Signature Not Verified
Được ký bởi HÀ THỊ HỢP
Ngày ký: 06.04.2016 11:25

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN:

Giải pháp Sản xuất kinh doanh:

- Tăng cường, tập trung công tác bán lẻ LPG tại các khu vực thị trường của PV Gas South quản lý, chú trọng phát triển hệ thống kênh phân phối ngắn, cửa hàng bán lẻ trực tiếp để tăng hiệu quả kinh doanh.

- Nghiên cứu tổng quát thị trường từ đó đưa ra chính sách phù hợp để phát triển, tiếp tục củng cố các vùng thị trường theo địa bàn hoạt động của Công ty, đẩy mạnh các thị trường còn yếu. Xây dựng chương trình Quảng cáo khuyến mại, khuyếch trương thương hiệu hướng tới người tiêu dùng.

- Đẩy mạnh tìm kiếm khách hàng sử dụng nhiên liệu CNG trong công nghiệp và giao thông vận tải theo 03 hướng chính:

+ Tiếp cận trực tiếp với các khách hàng đang sử dụng FO, LPG để đàm phán, thuyết phục chuyển đổi sang sử dụng CNG (nghiên cứu phát triển thị trường Campu-chia);

+ Phối hợp, ký kết thỏa thuận hợp tác với Ban Quản lý các Khu công nghiệp để phát triển khách hàng tập trung, giảm thiểu chi phí đầu tư và vận hành;

+ Ký thỏa thuận với Cục xúc tiến thương mại của các Đại sứ quán các nước sắp đầu tư vào Việt Nam (Ấn Độ, Hàn Quốc...) để đón đầu những nhà đầu tư mới, tiềm năng.

- Rà soát, bổ sung, hoàn thiện các quy trình về an toàn, quy chế bảo dưỡng sửa chữa, định mức kinh tế kỹ thuật,... nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng năng suất lao động, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường.

- Tăng cường công tác thông tin, dự báo thị trường nhằm phục vụ công tác kế hoạch, sắp xếp nguồn hàng, cân đối hàng tồn kho và tiêu thụ sản phẩm.

Giải pháp tái cấu trúc mô hình quản lý kinh doanh:

- Tập trung tái câu trúc mô hình kinh doanh toàn công ty theo hướng chuyên môn hóa cao (xây dựng chuỗi sản xuất, chuỗi bán hàng và điều hành gián tiếp), giảm nhiều tầng quản lý trung gian nhằm nắm bắt tốt cơ hội kinh doanh, nâng cao hiệu quả, tinh gọn bộ máy và cắt giảm chi phí.

Giải pháp Tài chính - Kế toán:

- Tận dụng tối đa nguồn vốn tín dụng của các tổ chức tài chính, nguồn vốn của Tổng Công ty, Tập đoàn, đảm bảo vốn cho nhu cầu đầu tư, sản xuất kinh doanh.

- Kiểm soát chặt chẽ giá thành, giá vốn đảm bảo chất lượng và giá sản phẩm hàng hóa dịch vụ ở mức hợp lý. Tổ chức kiểm tra, giám sát để chấn chỉnh kịp thời những vấn đề phát sinh.

- Rà soát lại các chi phí hoạt động để giảm chi phí và có thể giảm giá bán nhằm tăng khả năng cạnh tranh với các thương hiệu khác và tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tập trung chỉ đạo công tác thu hồi công nợ, không để tình trạng công nợ quá hạn thanh toán.

Giải pháp An toàn trong sản xuất kinh doanh:

- Tiếp tục nghiên cứu, duy trì và phát triển ứng dụng của khí thiên nhiên nén (CNG) trong giao thông vận tải và trong lĩnh vực công nghiệp... thay thế cho các loại nhiên liệu khác.

- Lựa chọn, chuyển giao, ứng dụng và làm chủ các công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường vào trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Thường xuyên tăng cường công tác giám sát đảm bảo an ninh, an toàn PCCC và vận hành bảo dưỡng sửa chữa các công trình khí nhằm ngăn ngừa các nguy cơ gây ra các sự cố, tai nạn, đảm bảo các thiết bị trong tình trạng hoạt động tốt.

- Tổ chức các lớp tập huấn cho CB-CNV nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ.

- Bảo vệ môi trường bằng cách sử dụng các công nghệ mới tiết kiệm tài nguyên, nguyên liệu, năng lượng, thân thiện với môi trường.

- Duy trì, áp dụng hiệu quả và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý An toàn - Chất lượng – Môi trường.

Giải pháp về Phát triển nhân lực, đào tạo:

- Sắp xếp bố trí và sử dụng lao động hợp lý, không tuyển thêm lao động khi khối lượng công việc không tăng.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo gắn với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đề xuất nhân sự tham gia các khóa đào tạo đúng người phù hợp với yêu cầu từng chức danh công việc.

- Hoàn thiện các chỉ số KPIs.

- Xây dựng chính sách lương thưởng theo từng chức năng nhiệm vụ và theo năng lực của từng bộ phận, nhân viên.

- Xây dựng, duy trì và phát triển nguồn nhân lực trẻ, năng động sáng tạo.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Công tác Quản lý An toàn
- Chính sách liên quan đến người lao động
- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường
- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương
- Trách nhiệm với nhà đầu tư

CÔNG TÁC QUẢN LÝ AN TOÀN

Với mục tiêu tạo ra một môi trường làm việc đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật an toàn, trong những năm qua, Công ty đã đẩy mạnh các hoạt động đầu tư xây dựng, đổi mới quy trình, tăng cường giám sát kiểm tra công tác triển khai hoạt động của toàn bộ các đơn vị, từ đó kịp thời phát hiện những sai sót và có hướng khắc phục hợp lý cho từng trường hợp.

Hoàn thiện hệ thống văn bản pháp lý về công tác quản lý an toàn

Để thực hiện bất kỳ một chủ trương, chính sách thì việc đầu tiên và cực kỳ quan trọng là xây dựng được khung pháp lý nhằm tạo cơ sở định hướng và giám sát trong quá trình thực hiện. Nhận thức được điều này, Ban Lãnh đạo Công ty đã chủ trương xây dựng và hoàn thiện các quy trình, thủ tục xử lý liên quan đến công tác an toàn. Tính đến thời điểm 30/12/2015, PV Gas South đã ban hành 29 Quy trình hệ thống, 218 Quy trình vận hành và kiểm soát hoạt động, 29 Quy trình phối hợp và 100 Hướng dẫn liên quan. Đây là những văn bản chi tiết và cụ thể tạo nên cơ sở quan trọng để thực hiện việc giám sát, kiểm tra, báo cáo kết quả, đảm bảo quá trình vận hành luôn theo đúng định hướng đã đề ra.

Đối với công tác rà soát, Công ty đã tiến hành cập nhật và cải tiến thường xuyên Hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Chất lượng – Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, ISO 14001:2004 và OHSAS 18001:2007. Định kỳ 06 tháng và 01 năm, PV Gas South cũng tổ chức đánh giá nội bộ hệ thống An toàn – Chất lượng – Môi trường. Công ty CNG Việt Nam đang có kế hoạch mở rộng phạm vi áp dụng Hệ thống quản lý tích hợp An toàn – Chất lượng – Môi trường ra các chi nhánh miền Bắc.

Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục cập nhật hệ thống tài liệu quy trình cũng như những hướng dẫn chi tiết, đồng thời có kế hoạch tiếp nhận những ý kiến đóng góp về những văn bản này để có hướng sửa đổi có phù hợp với tình hình thực tế tại Công ty.

Đẩy mạnh hoạt động bảo dưỡng sửa chữa, góp phần bảo đảm an toàn trong vận hành

Trong năm qua, Công ty đã tiến hành rà soát lại tất cả các hoạt động của đơn vị, thực hiện đánh giá lại rủi ro để cập nhật vào danh mục rủi ro, nhận định những tác động của môi trường và đề xuất các biện pháp kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro cho các hoạt động. Cũng trong khuôn khổ công tác rà soát, danh mục thiết bị và dây chuyền công nghệ cũng được theo dõi kỹ càng, tiến hành bổ sung đầy đủ các vật tư tiêu hao, thiết bị dự phòng để đảm bảo quá trình vận hành không bị gián đoạn do thiếu hụt vật tư thiết bị. Đồng thời, các phương tiện vận chuyển như xe tải, xe bồn, xe đầu kéo và rơmooc cũng được đăng kiểm 100% theo đúng pháp luật. Cụ thể, trong năm 2015 Công ty đã tiến hành đăng kiểm 35 xe tải, 35 xe đầu kéo và 119 chiếc rơmooc.

Ngay từ đầu năm, Công ty chủ động xây dựng kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa cho tất cả các thiết bị, máy móc, phương tiện của đơn vị, đồng thời tổ chức thực hiện bảo dưỡng sửa chữa đầy đủ, đúng quy định, để bảo đảm độ tin cậy của thiết bị luôn được duy trì ở mức độ cao nhất.

Kết quả công tác bảo dưỡng, sửa chữa, phòng ngừa của PV Gas South trong năm 2015 như sau:

Thời gian	Bảo dưỡng ngăn ngừa			Bảo dưỡng đột xuất		
	Tổng số đầu việc theo KH	Số đầu việc hoàn thành	Tỷ lệ % hoàn thành	Tổng số đầu việc theo KH	Số đầu việc hoàn thành	Tỷ lệ % hoàn thành
Năm 2014	1.328	1.328	100%	412	398	97%
Năm 2015	2.094	2.094	100%	528	523	99%

Tăng cường công tác ứng cứu khẩn cấp (UCKC)

Tình hình thực hiện:

Thường xuyên kiện toàn Ban chỉ đạo UCKC của Công ty, cập nhật kịp thời danh bạ điện thoại UCKC khi có thay đổi.

Xây dựng phương án chữa cháy đối với phương tiện vận chuyển.

Triển khai quy trình ứng phó với các tình huống khẩn cấp theo tiêu chuẩn Hệ thống quản lý ISO và OHSAS, xây dựng các bài tập tình huống UCKC cụ thể tại đơn vị và tổ chức tập luyện theo kế hoạch.

Định kỳ hàng năm, PV Gas South tổ chức Hội thao và diễn tập Phương án có sự phối hợp của lực lượng Phòng cháy Chữa cháy tỉnh, Trung tâm Y tế dự phòng và các đơn vị trong ngành.

Tuân thủ theo sự phân công trực sự cố trong các ngày nghỉ Lễ, Tết, mưa bão.

Chuẩn bị sẵn sàng các vật tư, dụng cụ phòng chống lụt bão thiên tai và cách xử lý tình huống thiên tai gây ra.

Kết quả thực hiện trong năm 2015:

Ban hành và cập nhật 56 phương án UCKC.

Tiến hành diễn tập 100% các phương án đã ban hành với tần suất 1 tháng/lần đối với diễn tập nội bộ từng bộ phận và 1 năm/lần đối với diễn tập có phối hợp các lực lượng và lồng ghép các phương án.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình STOP

STOP là Chương trình Huấn luyện Quan sát An toàn hướng đến mục đích chuyển biến nhận thức và an toàn cho người lao động. STOP được thiết kế đặc biệt cho người lao động trong mỗi tổ chức và giúp cho mỗi cá nhân nhận thức về an toàn, nhận diện và loại bỏ những hành vi hoặc những điều kiện không an toàn có thể gây ra tổn thất cho con người và tài sản.

Hiện tại, CNG Việt Nam là đơn vị thành viên của PV Gas South đã áp dụng chương trình STOP từ năm 2014. Những hành vi, điều kiện ảnh hưởng hoặc nhận thức chưa đúng về an toàn – sức khỏe – môi trường sẽ được người lao động phát hiện và trao đổi trong thẻ ghi nhận an toàn (STOP Card), thông tin này sau đó sẽ được Công ty thu thập, phân tích để có những cải tiến trong công tác quản lý an toàn. Kết thúc năm 2015, CNG Việt Nam đã ghi nhận 852 thẻ, gấp hơn 2 lần so với số thẻ của năm 2014, tỷ lệ số CBCNV tham gia đã tăng từ 40,11% lên 46,90%.

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
Tổng số thẻ	362	852
Số người tham gia/ Tổng số CBCNV	73/182	106/226

Tại PV Gas South, việc hướng dẫn và đào tạo việc thực hiện chương trình STOP cho tất cả CBCNV tại các đơn vị trực thuộc đã hoàn thành trong năm 2015 và bắt đầu áp dụng vào tháng 1 năm 2016, tạo điều kiện cho người lao động làm quen cách quan sát và nhận diện những mối nguy, khía cạnh an toàn – môi trường trong quá trình làm việc đồng thời đưa ra các nhận xét và ý kiến đóng góp, góp phần đưa văn hóa an toàn thấm nhuần đến từng CBCNV.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Tình hình nhân sự trong năm 2015:

Số lượng Cán bộ công nhân viên trong Công ty tính đến thời điểm 31/12/2015 là 1.207 người với cơ cấu cụ thể như sau:

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	1.207	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	471	39%
2	Trình độ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	217	18%
3	Công nhân kỹ thuật	519	43%
II	Theo hợp đồng lao động	1.207	100%
1	Lao động không xác định thời hạn	674	56%
2	Lao động xác định thời hạn từ 12 đến 36 tháng	533	44%
III	Theo giới tính	1.207	100%
1	Nam	956	79%
2	Nữ	251	21%
	Tổng cộng	1.207	100%

Trong năm, người lao động trong Công ty được nhận mức lương bình quân là 13,5 triệu đồng/người/tháng. Mặc dù trong bối cảnh kinh tế khó khăn, hoạt động kinh doanh gặp không ít trở ngại, những năm qua, PVGas South luôn cố gắng duy trì mức thu nhập khá ổn định và tăng dần qua các năm. Đây cũng là mức thu nhập tương đối cạnh tranh trong ngành.

Môi trường làm việc tại PV Gas South

Trong thời gian qua Ban Lãnh đạo Công ty đã nỗ lực hết sức nhằm mang lại điều kiện làm việc tốt nhất có thể cho toàn bộ cán bộ công nhân viên Công ty, tạo tâm lý thoải mái trong quá trình làm việc, từ đó nâng cao năng suất lao động cũng như sự gắn bó, cống hiến cho lợi ích lâu dài của PV Gas South. Năm 2015, 100% người lao động được bố trí việc làm đúng theo năng lực chuyên môn và không xảy ra trường hợp mất việc, ngừng việc, góp phần giúp Công ty khai thác tối đa nguồn lực về nhân sự. Người lao động làm việc 40 giờ/tuần, trong trường hợp cần nhân lực làm thêm giờ thì sẽ được tính lương theo chế độ ngoài giờ hoặc bố trí nghỉ bù tùy từng đơn vị. Ngoài ra, CBCNV được nghỉ vào các ngày Lễ, Tết theo đúng quy định hiện hành.

Môi trường làm việc tại Công ty luôn đảm bảo các quy định về an toàn vệ sinh lao động. Hàng năm Công ty tiến hành ra soát các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về tiêu chuẩn này, lập kế hoạch và tiến hành kiểm định, hiệu chuẩn theo yêu cầu của pháp luật. Trong năm 2015, PV Gas South đã kiểm định và hiệu chuẩn tổng cộng 2.167 thiết bị trên toàn Công ty. Bên cạnh đó, công tác bảo vệ an ninh an toàn công trình khí luôn được thực hiện nghiêm túc. Bộ phận bảo vệ thực hiện tuần tra 24/24 các khu vực sản xuất, thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ người và phương tiện ra vào cơ quan, các trạm chiết nạp LPG/CNG và các trạm PRU tại các khách hàng. Đối với công tác thực hành bảo hộ lao động, Công ty xây dựng kế hoạch và bám sát thực hiện theo tiến độ hàng tháng và hàng quý. Kết thúc năm 2015, Công ty đã xử lý 408 đầu việc liên quan đến bảo hộ lao động, chiếm tỷ lệ 100% tổng số đầu việc yêu cầu.

Chính sách đảm bảo quyền lợi cho người lao động

Nguồn lực chủ đạo đóng vai trò đặc biệt quan trọng đối với quá trình sản xuất kinh doanh cũng như mỗi thành công của PV Gas South chính là nguồn nhân lực. Trong mỗi một doanh nghiệp, người lao động sẽ cống hiến hết mình khi công sức của họ được tôn trọng và ghi nhận một cách xứng đáng. Nhận thức rõ điều này, song song với việc xây dựng môi trường làm việc đạt chuẩn an toàn và chất lượng, Công ty còn đầu tư đẩy mạnh công tác đào tạo, thực hiện trả lương, chi thưởng một cách hợp lý và tổ chức các hoạt động khác nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, cụ thể như sau:

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề

Đặc thù ngành dầu khí là yêu cầu cao đối với cơ sở vật chất hạ tầng cũng như kỹ thuật và kinh nghiệm của nguồn nhân lực. Trong năm Công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện kỹ thuật cho người lao động, đồng thời gửi các cán bộ quản lý, công nhân tiêu biểu tham dự các lớp tập huấn, nâng cao tay nghề do các đơn vị khác tổ chức. Bên cạnh đó, các lớp đào tạo hành luyện về an toàn, đào tạo nội bộ về an toàn vận hàng, bảo dưỡng sửa chữa cũng được tổ chức cho CBCNV trực tiếp làm việc trong môi trường có nhiều yếu tố rủi ro nguy hiểm.

Kết quả thực hiện công tác đào tạo an toàn cho người lao động trong năm 2015 như sau:

	Số NLĐ tham gia			Chi phí (Triệu đồng)		
Nội dung huấn luyện đào tạo	Kế hoạch	Thực hiện	%TH /KH	Kế hoạch	Thực hiện	%TH /KH
An toàn – Môi trường	1.577	1.993	126,4%	1.901	1.331	70,0%
Sản xuất – Vận hành – Bảo trì	237	259	109,3%	1.840	1.639	89,1%
CNCH; Vận chuyển hàng CN nguy hiểm	2	16	800,0%	20	11	55%
Tổng cộng	1.816	2.268	124,9%	3.761	2.981	79,3%

Cùng với việc đào tạo, các đơn vị đều có chính sách khuyến khích công nhân chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình sản xuất. Nhờ thực hiện tốt công tác này, mặt bằng trình độ tay nghề của công nhân đã được nâng cao, sự cố xảy ra do vi phạm các quy định về an toàn, kỹ thuật đã giảm thiểu đáng kể.

Thực hiện quy chế lương thưởng nghiêm túc và hợp lý

Các mức lương thưởng cho người lao động được Công ty quy định cụ thể và rõ ràng tại Quy chế trả lương trả thưởng của PV Gas South. Theo đó, chế độ tiền lương cho CBCNV bao gồm lương cơ bản và lương hiệu quả. Tiền lương của người lao động gắn liền với năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc theo chức danh công việc cụ thể được đảm nhận. Hàng năm, Công ty đều tổ chức xét nâng lương theo quy định cho người lao động. Trong năm 2015, toàn Công ty có 217 người lao động được xét nâng lương.

Bên cạnh tiền lương, Công ty còn quan tâm đến đời sống vật chất của người lao động thông qua việc xét thưởng trong các dịp Lễ, Tết, Kỷ niệm của Công ty. Tiền thưởng được trích từ các quỹ và được xem xét, phân chia một cách hợp lý và công bằng. PV Gas South cũng tặng thưởng cho các sáng kiến, các gương điển hình của Công ty trong quá trình sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao tính chủ động sáng tạo cũng như ghi nhận những nỗ lực đóng góp của người lao động.

Chăm lo cho sức khỏe của người lao động

Sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty luôn đi kèm với chất lượng sức khỏe của người lao động. Hàng năm, Công ty đều tổ chức cho người lao động được khám sức khỏe định kỳ nhằm phát hiện những bất lợi đối với tình hình sức khỏe và có biện pháp khắc phục phù hợp. Riêng đối với CBCNV làm việc trong môi trường có yêu cầu nghiêm ngặt, chế độ khám là 06 tháng/lần.

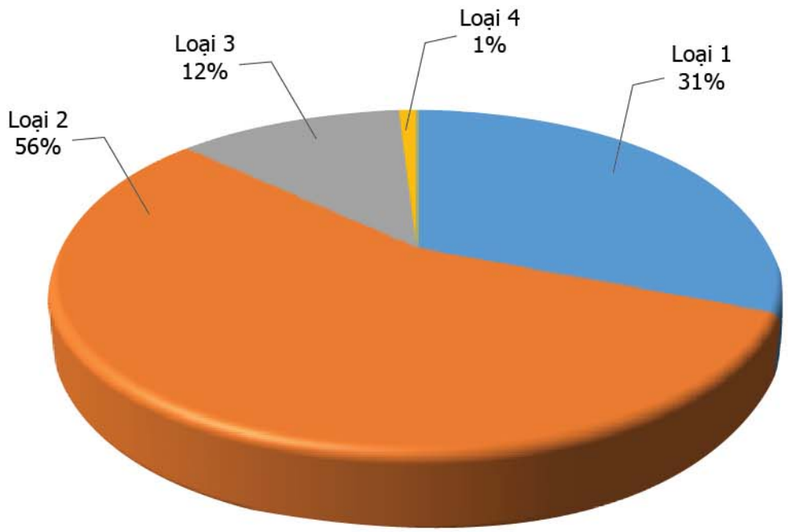

KẾT QUẢ PHÂN LOẠI SỨC KHỎE NĂM 2015

Bên cạnh khám sức khỏe, CBCNV còn được kiểm tra bệnh nghề nghiệp, tư vấn về sức khỏe, cung cấp đầy đủ cơ số thuốc cần thiết cho CBCNV làm việc tại các đơn vị trực thuộc, thành viên, trong trường hợp cần thiết, người lao động sẽ được bố trí công việc phù hợp với tình trạng của mình.

Trong năm, CBCNV làm việc trong môi trường nặng nhọc và độc hại cũng được cấp phát bồi dưỡng hiện vật đầy đủ và đúng quy định.

Công ty còn tổ chức bếp ăn tập thể phục vụ ăn trưa với chất lượng tốt cho người lao động làm việc tại Khối Điều hành và một số đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên, đồng thời hướng dẫn thực hiện vệ sinh an toàn thực phẩm, đảm bảo không xảy ra ngộ độc thức ăn bữa trưa cho CBCNV.
Nhờ thực hiện nghiêm túc công tác này, năm 2015 không ghi nhận trường hợp người lao động nào mắc bệnh nghề nghiệp, sức khỏe của CBCNV được đảm bảo.

Nâng cao đời sống tinh thần, xây dựng tập thể PV Gas South đoàn kết, vững mạnh

Ngày 09-10/05/2015, Đoàn Thanh niên PV Gas South đã tổ chức Hội thao truyền thống PV Gas South năm 2015 với sự tham gia của 6 chi đoàn trực thuộc gồm Chi đoàn Khối Điều hành, Chi đoàn CNG Việt Nam, Chi đoàn miền Đông, Chi đoàn VT Gas, Chi đoàn Đồng Nai, Chi đoàn Cần Thơ, quy tụ hơn 100 vận động viên không chuyên, tham gia tranh tài ở các bộ môn bóng đá và trò chơi dân gian. Hội thao đã tạo cơ hội cho các đoàn viên thanh niên có cơ hội thể hiện khả năng khéo léo, sức mạnh và tinh thần đồng đội.

Trong tháng 11 năm 2015, Công ty cũng đã tham gia hội thao Phòng cháy chữa cháy do Tổng Công ty tổ chức với 52 CBCNV hưởng ứng, trong đó có 38 vận động viên tham gia.

Cùng với đó, việc giải quyết các chế độ chính sách như bảo hiểm, hưu trí, thai sản, ốm đau luôn được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định. Cán bộ công nhân viên được tham gia nhiều hoạt động tập thể trong nội bộ PV Gas South cũng như các hoạt động cộng đồng khác. Trong năm Công ty cũng tổ chức các đợt cho cán bộ, công nhân tiêu biểu đi du lịch, nghỉ dưỡng ở nhiều nơi.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Để góp phần xây dựng một môi trường trong sạch, lành mạnh, PV Gas South đã xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức thực hiện nhiều hoạt động thiết thực như:

+ Áp dụng Hệ thống quản lý Chất lượng – An toàn – Môi trường đạt các tiêu chuẩn ISO 9001: 2008, ISO 14001: 2004, OHSAS 18001: 2007 và Hệ thống quản lý tích hợp PAS 99: 2006 cho phạm vi kinh doanh LPG và khí CNG.

+ Thực hiện đầy đủ các quy định về hóa chất, các bồn chứa, trạm chiết nạp của Công ty luôn đảm bảo các yêu cầu về chất lượng và yêu cầu kỹ thuật, thường xuyên kiểm tra và khắc phục kịp thời các sự cố, không để ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như gây tác động xấu tới môi trường.

+ Xây dựng quy trình xử lý rác thải, thực hiện việc phân loại, lưu trữ và ký hợp đồng với cơ quan chức năng xử lý rác thải nguy hại theo quy định.

+ Khảo sát đánh giá điều kiện vệ sinh lao động, khảo sát môi trường định kỳ đầy đủ và xử lý kịp thời các yếu tố bất lợi phát sinh.

+ Tiếp tục phổ biến, đưa sản phẩm khí CNG đến với nhiều khách hàng hơn. CNG là nguồn năng lượng sạch không phát sinh các chất độc hại gây ô nhiễm môi trường khi cháy như CO_2, SO_2, NO_2, có giá thành rẻ hơn các loại nhiên liệu khác và hiệu suất sử dụng nhiên liệu cao. Trong thời gian tới, Công ty có kế hoạch nhân rộng hơn nữa sản phẩm này, vừa nâng cao doanh thu cho Công ty vừa góp phần bảo vệ môi trường.

+ Đoàn thanh niên Công ty tổ chức các hoạt động về môi trường nhân ngày môi trường thế giới hàng năm như: cam kết không xả rác ra môi trường, tổ chức các hoạt động trồng cây xanh, nhặt rác bãi biển...
Có chiến lược rõ ràng và triển khai thực hiện đồng bộ, nhờ vậy mà Công ty luôn thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm 2015, PV Gas South không có bất kỳ vi phạm nào liên quan đến lĩnh vực này.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG.

Hỗ trợ cộng đồng là một hoạt động thường xuyên của tập thể Ban lãnh đạo và CBCNV PV Gas South. Đối với Công ty, nghĩa cử cao đẹp này không vì mục đích đánh bóng thương hiệu mà xuất phát từ ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân nói riêng và toàn Công ty nói chung trong việc góp sức mình vào sự nghiệp xây dựng xã hội và đất nước giàu đẹp, văn minh.

Công đoàn Công ty đã chủ động phối hợp với lãnh đạo và chính quyền vận động 100% CBCNV đóng góp **"quỹ tương trợ Dầu khí"**, thường xuyên tổ chức thực hiện công tác an sinh xã hội, các phong trào **"Đền ơn đáp nghĩa"**, **"Uống nước nhớ nguồn"**, Ủng hộ đồng bào các tỉnh bị thiên tai, lũ lụt, hỏa hoạn... với tinh thần tương thân, tương ái, cụ thể các chương trình như sau:

+ Chương trình ủng hộ quỹ phụ nữ nghèo;

+ Chương trình ủng hộ quỹ vì thế hệ trẻ Dầu Khí;

+ Chương trình ủng hộ quỹ nghĩa tình đồng đội;

+ Chương trình ủng hộ quỹ tương trợ Dầu khí;

+ Chương trình ủng hộ quỹ thiên tai bão lụt.

Ngoài ra, trong năm 2015 Cán bộ và NLĐ trong toàn PV Gas South đã tự nguyện đóng tiền xây 04 nhà tình nghĩa trao cho các gia đình nghèo tại địa phương (Cần Giờ, Quảng Trị, Đức Trọng, Bạc Liêu); quyên góp cho 02 gia đình CBCNV trong Công ty có hoàn cảnh khó khăn; tặng quà cho cháu khuyết tật tại cở sở Thiên Phước quận 12 và Củ Chi, các cháu mắc bệnh nghèo tại bệnh viện Ung bướu, Nhi đồng và các tổ chức khác trên địa bàn các đơn vị trực thuộc hoạt động.

Tổng số tiền thực hiện cho các chương trình trên là: 3.078.917.487 đồng.

Một số hoạt động cụ thể như sau:

Tặng quà trẻ em mồ côi nhân ngày Quốc tế thiếu nhi:

Hàng năm cứ vào dịp Quốc tế Thiếu nhi, Công ty lại tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho các cháu thiếu niên nhi đồng ở trung tâm trẻ mồ côi khuyết tật Thiên Phước – Củ Chi. Đây là hoạt động đầy ý nghĩa mang đến niềm vui cho các em thiếu nhi có điều kiện đặc biệt khó khăn. Trong năm nay, chuyến đi càng có ý nghĩa hơn với sự tham gia của chính các con em CBCNV Công ty, qua đó giáo dục các cháu thể hiện ý thức công dân và sự chia sẻ với cộng đồng.

Tưởng nhớ công lao các anh hùng liệt sỹ:

Từ ngày 21 đến 23 tháng 8 năm 2015, Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và người lao động đã tổ chức chuyến hành trình về "Côn Đảo huyền thoại". Đoàn đã đến thăm và viếng Nghĩa trang Hàng Dương, dâng hương tưởng niệm cho hơn 2.000 chiến sỹ yêu nước tại Đài tưởng niệm, đi thăm các nhà tù Chuồng Cọp, khu biệt lập Chuồng Bò, trại Phú Hải. Đây là cơ hội để mỗi cá nhân tưởng nhớ công lao của các anh hùng đi trước và phấn đấu thực hiện tốt nhiệm vụ, góp phần vào công cuộc đổi mới đất nước.

Hiến máu nhân đạo:

Sáng ngày 19/08/2015, Đoàn viên thanh niên, CBCNV Công ty đã tham gia tích cực chương trình hiến máu nhân đạo năm 2015, góp phần giải quyết vấn đề thiếu hụt máu hiện nay của các bệnh viện. Đây không chỉ là nghĩa cử cao đẹp mà còn thể hiện tinh thần yêu thương, trách nhiệm của mỗi đoàn viên thanh niên, CBCNV PV Gas South đối với xã hội.

Bằng nhiều hành động thiết thực, PV Gas South đã tiếp cận và giúp đỡ được nhiều hoàn cảnh khó khăn, mang tình thương và chia sẻ đến nhiều địa bàn trong cả nước. Mỗi chuyến đi, mỗi cuộc vận động thực sự là một quá trình nâng cao ý thức cộng đồng cho mỗi cá nhân, đưa Công ty ngày một tiến gần hơn tới mục tiêu phát triển bền vững.

TRÁCH NHIỆM VỚI NHÀ ĐẦU TƯ

Bên cạnh tầm nhìn dài hạn là sự phát triển bền vững của Công ty thì mục tiêu tối ưu hóa giá trị cho các cổ đông luôn được HĐQT và Ban điều hành ưu tiên hàng đầu. Công ty tiến hành chi trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đảm bảo sự cân bằng và hài hòa lợi ích của các bên với sự đồng thuận cao giữa cổ đông và người lao động. Ngoài ra, PV Gas South còn thực hiện quy trình công bố thông tin chính xác và minh bạch, vừa đảm bảo quyền lợi cho cổ đông, vừa thực hiện đúng quy định của pháp luật. Website của Công ty tại địa chỉ http://www.pgs.com.vn là nơi thường xuyên cập nhật những tin tức liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư dự án cũng như các thông tin về tài chính, nhân sự. Một số hoạt động liên trong năm mà Công ty đã thực hiện bao gồm:

+ Tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2015

+ Công bố thông tin định kỳ, bất thường và theo yêu cầu đúng theo quy định tại thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính. Các Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên, Báo cáo Quản trị Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT luôn được công bố đúng hạn và đúng quy trình, đảm bảo cổ đông được tiếp cận thông tin kịp thời và chính xác.

+ Đối với nhà đầu tư nước ngoài, Công ty đang tiến hành hoàn thiện website, dịch các báo cáo, văn bản sang tiếng Anh để cổ đông nước ngoài tiện theo dõi và nắm bắt tình hình Công ty.

Nhờ thực hiện tốt trách nhiệm đối với nhà đầu tư, PV Gas South đã vinh dự nằm trong Top 30 Doanh nghiệp niêm yết minh bạch nhất năm 2014 – 2015, đây là lần thứ 3 liên tiếp Công ty được nhận giải thưởng này. Ngoài ra, Báo cáo thường niên của Công ty cũng lần thứ 4 liên tiếp thuộc Top 30 Báo cáo thường niên tốt nhất năm 2015. Đây là sự khích lệ tinh thần rất lớn đối với Công ty để trong thời gian tới tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác này, cung cấp thông tin cho cổ đông một cách chất lượng và kịp thời.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hoạt động của Hội Đồng Quản Trị
- Hoạt động của Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT, BKS, BGĐ

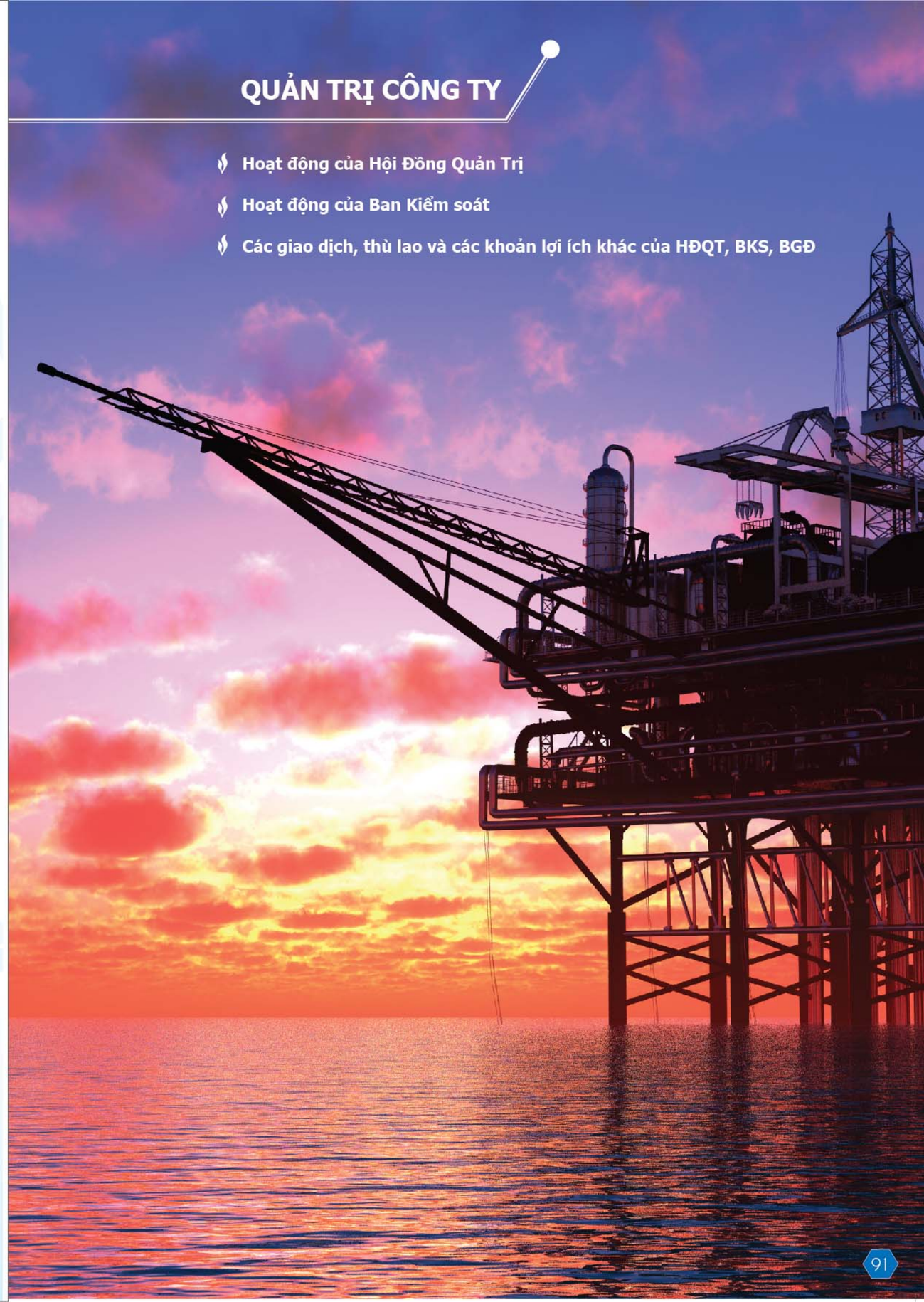

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ		Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ
1	Ông Đỗ Tấn	Chủ tịch HĐQT	Đại diện sở hữu: Sở hữu cá nhân:	5.604.597 CP (PV Gas) 0 CP	11,21%
2	Ông Vũ Quý Hiệu	Thành viên HĐQT	Đại diện sở hữu: Sở hữu cá nhân:	5.579.613 CP (PV Gas) 0 CP	11,16%
4	Bà Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên HĐQT	Đại diện sở hữu: Sở hữu cá nhân:	3.947.368 CP (PV Gas) 0 CP	7,89%
3	Ông Vũ Văn Thực	Thành viên HĐQT	Đại diện sở hữu: Sở hữu cá nhân:	2.500.000 CP (PV Gas) 0 CP	5%
5	Ông Hà Anh Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập	Đại diện sở hữu: Sở hữu cá nhân:	0 CP (PV Gas) 13.157 CP	0,03%

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

(Không có)

Hoạt động trong năm của Hội đồng quản trị

Trong năm 2015, Hội đồng quản trị đã làm việc thông qua 06 phiên họp HĐQT và thông qua việc lấy phiếu ý kiến 16 lần, quyết định những nội dung quan trọng sau đây:

Quý 1/2015:

- Chấp thuận việc bổ nhiệm Ông Đào Văn Thủy – Phó Giám đốc Chi nhánh Gia Lai giữ chức Giám đốc Chi nhánh Gia Lai.
- Chấp thuận việc vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2015.
- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2014 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015.
- Quán triệt việc tăng cường công tác an ninh, an toàn Phòng cháy chữa cháy trong toàn Công ty.
- Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 cho Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Đông (PV Gas Sài Gòn).
- Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 cho Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam (VT Gas).
- Thông qua ngày chốt danh sách cổ đông và mục đích chốt danh sách cổ đông của Công ty, cụ thể như sau:
  - Ngày chốt danh sách cổ đông: 19/03/2015
  - Mục đích:
    + Tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2015
    + Thực hiện quyền nhận cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu.
    + Tạm ứng cổ tức năm 2014 là 10%.
- Thông qua việc thành lập Ban tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2015.
- Thông qua công tác nhân sự của các Công ty thành viên.
- Chấp thuận nội dung cho Người đại diện phần vốn góp của Công ty tại Công ty CNG Việt Nam biểu quyết tại cuộc họp HĐQT Quý I/2015 của CNG Việt Nam.

Quý 2/2015:

- Chấp thuận nội dung cho Người đại diện phần vốn góp của Công ty tại Công ty CNG Việt Nam biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường nhiên 2015 của CNG Việt Nam.
- Thông qua việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2014 cho cổ đông của Công ty.
- Phê duyệt chủ trương thuê mua tài chính máy nén khí CNG và trụ nạp.
- Chấp thuận việc bổ nhiệm Ông Phạm Ngọc Vũ – Phó trưởng Phòng Kế toán tổng hợp Chi nhánh Đắk Lắk giữ chức Trưởng Phòng Kế toán tổng hợp Chi nhánh Đắk Lắk.
- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2015 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh 6 tháng cuối năm.
- Thông qua Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty.
- Chấp thuận giải thể Chi nhánh Nha Trang thuộc Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam.

Quý 3/2015:

- Chấp thuận nội dung cho Người đại diện phần vốn góp của Công ty tại Công ty CNG Việt Nam biểu quyết tại cuộc họp HĐQT Quý II/2015 của CNG Việt Nam.
- Chấp thuận việc bổ nhiệm Ông Nguyễn Khắc Hảo – Phó giám đốc Chi nhánh Cần Thơ giữ chức Giám đốc Chi nhánh Đắk Lắk.
- Phê duyệt bổ sung ngành nghề kinh doanh cho Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam.

Quý 4/2015:

- Chấp thuận nội dung cho Người đại diện phần vốn góp của Công ty tại Công ty CNG Việt Nam biểu quyết tại cuộc họp HĐQT Quý III/2015 của CNG Việt Nam.
- Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng đầu năm 2015 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh 3 tháng cuối năm 2015.
- Điều chỉnh tỷ lệ quản lý phần vốn góp của Công ty cho Người đại diện tại Công ty Cổ phần CNG Việt Nam.
- Thông qua việc rà soát tổng thể các quy chế, quy định hiện nay của Công ty để sửa đổi, bổ sung, hiệu chỉnh cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh hiện tại.
- Bổ nhiệm Ông Nguyễn Hải Long – Giám đốc Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Đông kiêm giữ chức Phó Giám đốc Công ty.
- Phê duyệt tạm ứng cổ tức đợt 1/2015 bằng tiền mặt.
- Phê duyệt bổ sung ngành nghề cho Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng miền Đông.
- Chấp thuận bổ sung kế hoạch 2015 dự án sơn sửa bình gas trạm Đà Nẵng của Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam.

Công tác khác:

- HĐQT tiếp tục chỉ đạo thực hiện công bố thông tin cho các cổ đông theo đúng quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Thường xuyên cập nhật trang thông tin điện tử (Website) của Công ty, đăng tải các thông tin liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty trên Website của Công ty.

Việc tham gia các khóa Đào tạo Quản trị của thành viên Hội Đồng Quản Trị

Hiện tất cả các thành viên trong HĐQT và Ban Giám đốc (bao gồm các chức vụ từ Thư ký trở lên) đều có chứng nhận Đào tạo về Quản trị Công ty.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/vốn điều lệ
1	Bà Nguyễn Thục Quyên	Trưởng BKS	14.473	0,03%
2	Ông Võ Đình Quang	Thành viên BKS	0	0
3	Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên BKS	6.578	0,01%

Hoạt động trong năm của Ban Kiểm soát

Thực hiện nhiệm vụ kế hoạch của Ban Kiểm soát đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 thông qua. Căn cứ vào quyền hạn, trách nhiệm của Ban Kiểm soát được quy định tại Luật Doanh nghiệp. Căn cứ Điều lệ Công ty. Trong năm 2015, Ban Kiểm soát đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2015, trong đó có việc thực hiện tăng vốn điều lệ, chi trả cổ tức.
- Giám sát việc chấp hành Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- Giám sát việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 và thực chiến lược phát triển Công ty đến năm 2015, định hướng đến năm 2025.
- Giám sát quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư.
- Phối hợp với HĐQT, Ban Giám đốc và các phòng chức năng của Công ty trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý tại các đơn vị cũng như tại Văn phòng Công ty.
- Thẩm định Báo cáo tài chính, Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị năm 2015. Phân tích đánh giá tình hình tài chính, tình hình quản lý, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán của Công ty. Giám sát việc quản lý vốn chủ sở hữu và quản lý phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Kế hoạch hoạt động năm 2016 của Ban Kiểm soát

Năm 2016, Ban Kiểm soát tiếp tục thực hiện các công tác kiểm tra giám sát một cách cẩn trọng và có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng, hiệu quả hoạt động của Công ty, từ đó kịp thời phát hiện những vấn đề còn tồn đọng trong hệ thống quản lý điều hành, hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty và tìm ra biện pháp khắc phục. Cụ thể:

- Giám sát việc tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cũng như các quy định pháp luật hiện hành. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm.
- Rà soát kiểm tra và đánh giá hiệu quả trong hệ thống quản lý của Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý và cả năm, báo cáo tình hình quản trị Công ty, đảm bảo cổ đông và nhà đầu tư luôn được cung cấp thông tin về tình hình tài chính một cách kịp thời, minh bạch và đúng pháp luật.
- Để tăng tính hiệu quả của quá trình giám sát, định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát lập kế hoạch kiểm tra giám sát, phân công trách nhiệm cho từng thành viên thực hiện.
- Lập báo cáo giám sát hàng quý và cả năm.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT, BKS, BGĐ

Thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc

Công ty áp dụng chế độ lương cho thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo Quy chế và Thỏa ước lao động tập thể của PV Gas South. Trong năm 2015, theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty đã thanh toán các khoản lương thưởng, thù lao cho cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương/ thưởng (VNĐ)	Thù lao (VNĐ)	Tổng thu nhập (VNĐ)
	Hội đồng quản trị				
1	Đỗ Tấn	Chủ tịch HĐQT	932.589.050	-	932.589.050
2	Vũ Quý Hiệu	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	884.328.263	-	884.328.263
3	Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên HĐQT	733.312.721	-	733.312.721
4	Vũ Văn Thực	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	736.878.451	-	736.878.451
5	Hà Anh Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập	-	36.000.000	36.000.000
	Ban Kiểm soát				
1	Nguyễn Thục Quyên	Trưởng Ban kiểm soát	734.380.813	-	734.380.813
2	Võ Đình Quang	Thành viên Ban kiểm soát	298.410.119	-	298.410.119
3	Trần Thị Thu Hiền	Thành viên Ban kiểm soát	307.479.884	-	307.479.884
	Ban Giám đốc				
1	Trần Văn Nghị	Phó Giám đốc	743.932.721	-	743.932.721
2	Đào Hữu Thắng	Phó Giám đốc	690.214.766	-	690.214.766
3	Nguyễn Hải Long	Phó Giám đốc	249.471.161	-	249.471.161

Các giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

Trong năm 2015, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc không có giao dịch cổ phiếu PV Gas South.

Các giao dịch cổ phiếu của những người liên quan

Trong năm 2015, những người liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc không có giao dịch cổ phiếu PV Gas South.

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ (Không có)

Việc thực hiện các quy định về Quản trị Công ty

Tham gia thị trường chứng khoán từ năm 2007, hơn 08 năm qua Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời vào quy chế quản trị nội bộ của công ty, một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh, ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
Báo cáo Ban Giám đốc	97
Báo cáo kiểm toán độc lập	98
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	100
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	102
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	103
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	104 - 141

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	
Ông Đỗ Tấn	Chủ tịch
Ông Vũ Quý Hiệu	Ủy viên
Bà Nguyễn Minh Ngọc	Ủy viên
Ông Vũ Văn Thực	Ủy viên
Ông Hà Anh Tuấn	Ủy viên
Ban Giám đốc	
Ông Vũ Quý Hiệu	Giám đốc
Ông Vũ Văn Thực	Phó Giám đốc
Ông Trần Văn Nghị	Phó Giám đốc
Ông Đào Hữu Thắng	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Long	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác. Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM

Vũ Quý Hiệu
Giám đốc
Ngày 07 tháng 3 năm 2016

Deloitte.

Số: 28A/VN1A-HC-BC /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07 tháng 3 năm 2016, từ trang 4 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Lầu 18, Tòa nhà Times Square, 22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: +(84-8) 3910 0751 Fax: +(84-8) 3910 0750 Website: www.deloitte.com/vn

Deloitte.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết Minh báo cáo tài chính hợp nhất, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202") về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

M.S.C.N: 0100112500-002-C.T.T.N.H.H
CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN DELOITTE VIỆT NAM
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Khúc Thị Lan Anh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
toán số 0036-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 07 tháng 3 năm 2016
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Trọng Thể
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
số 2649-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.290.701.565.502**	**1.845.754.525.124**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**408.919.808.358**	**619.799.701.899**
1. Tiền	111		153.919.808.358	457.684.701.899
2. Các khoản tương đương tiền	112		255.000.000.000	162.115.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**13.000.000.000**	**40.000.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	13.000.000.000	40.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**659.968.756.039**	**929.656.135.750**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	607.850.246.441	895.410.677.256
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		23.779.757.138	17.113.241.917
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	36.487.278.214	26.123.844.846
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(8.148.525.754)	(8.991.628.269)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**10**	**146.331.462.671**	**184.109.292.453**
1. Hàng tồn kho	141		148.378.788.653	188.228.887.623
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.047.325.982)	(4.119.595.170)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**62.481.538.434**	**72.189.395.022**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	47.654.465.264	37.732.058.518
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	21	12.913.230.837	34.455.253.683
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	21	1.913.842.333	2.082.821
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**1.356.263.107.282**	**1.356.800.464.843**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**18.022.570.367**	**21.944.520.367**
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	18.022.570.367	21.944.520.367
II. Tài sản cố định	**220**		**770.411.008.870**	**795.370.294.962**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	669.300.128.169	668.007.136.543
- Nguyên giá	*222*		*1.975.558.960.170*	*1.740.101.706.664*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(1.306.258.832.001)*	*(1.072.094.570.121)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	67.464.983.238	93.944.853.925
- Nguyên giá	*225*		*202.905.476.655*	*228.700.252.298*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		*(135.440.493.417)*	*(134.755.398.373)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	33.645.897.463	33.418.304.494
- Nguyên giá	*228*		*38.332.191.112*	*36.991.391.112*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(4.686.293.649)*	*(3.573.086.618)*
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**63.287.274.795**	**47.142.379.034**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	15	63.287.274.795	47.142.379.034
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**17**	**-**	**-**
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**504.542.253.250**	**492.343.270.480**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	470.221.528.289	444.931.383.626
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	15.824.170.724	17.856.288.008
3. Lợi thế thương mại	269	19	18.496.554.237	29.555.598.846
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**2.646.964.672.784**	**3.202.554.989.967**

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM
Lầu 4 Tòa nhà PetroVietnam , số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014 (Phân loại lại)
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.578.207.672.528**	**2.067.877.707.579**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.364.042.234.264**	**1.827.859.921.978**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	884.272.470.291	1.424.556.979.039
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.411.125.773	1.685.368.042
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	21	10.655.300.091	9.935.339.255
4. Phải trả người lao động	314		43.121.037.355	26.208.038.631
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	22	10.823.909.938	11.278.491.580
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	23	52.680.224.006	32.638.069.036
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24	343.138.990.923	315.238.199.454
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.939.175.887	6.319.436.941
II. Nợ dài hạn	**330**		**214.165.438.264**	**240.017.785.601**
1. Phải trả dài hạn khác	337	23	111.397.216.053	108.515.632.035
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	25	95.813.774.572	124.547.705.927
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	26	6.954.447.639	6.954.447.639
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**1.068.757.000.256**	**1.134.677.282.388**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**27**	**1.068.757.000.256**	**1.134.677.282.388**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	380.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*500.000.000.000*	*380.000.000.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		46.150.397.684	46.150.397.684
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.066.833.198	2.042.818.129
4. Cổ phiếu quỹ	415		(12.061.327)	-
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		296.178.311.160	398.533.342.301
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.500.836.613	114.888.569.931
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	*421a*		*30.752.681.255*	*36.838.289.490*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm nay	*421b*		*11.748.155.358*	*78.050.280.441*
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	29	178.872.682.928	193.062.154.343
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**		**2.646.964.672.784**	**3.202.554.989.967**

Nguyễn Ngọc Dân	Ngô An Hòa	Vũ Quý Hiệu
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 07 tháng 3 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014 (Phân loại lại)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**6.165.257.803.794**	**7.661.191.844.292**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		208.910.134.361	173.479.716.511
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**10**	**31**	**5.956.347.669.433**	**7.487.712.127.781**
4. Giá vốn hàng bán	11	32	4.827.093.721.389	6.339.099.800.401
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**20**		**1.129.253.948.044**	**1.148.612.327.380**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	10.647.145.015	17.363.569.934
7. Chi phí tài chính	22	35	28.148.433.418	33.445.080.952
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*27.734.674.679*	*32.704.181.115*
8. Chi phí bán hàng	25	36	718.380.199.628	672.513.186.759
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	173.242.930.372	207.377.218.670
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	**30**		**220.129.529.641**	**252.640.410.933**
11. Thu nhập khác	31		10.831.609.363	9.350.498.657
12. Chi phí khác	32		4.029.727.363	15.384.536.727
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	**40**	**37**	**6.801.882.000**	**(6.034.038.070)**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**50**		**226.931.411.641**	**246.606.372.863**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	38	60.303.689.565	67.507.327.467
16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	18	2.032.117.284	(12.357.069.552)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**60**		**164.595.604.792**	**191.456.114.948**
Phân bổ cho:				
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	*61*		*111.405.866.667*	*140.257.918.198*
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	*62*	*29*	*53.189.738.125*	*51.198.196.750*
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**39**	**1.409**	**1.999**

Nguyễn Ngọc Dân	Ngô An Hòa	Vũ Quý Hiệu
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 07 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM
Lầu 4 Tòa nhà PetroVietnam , số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 03a-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014 (Phân loại lại)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***226.931.411.641***	***246.606.372.863***
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	245.506.587.288	282.449.061.497
- Các khoản dự phòng	03	(2.915.371.703)	(1.392.604.638)
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	128.398.845	173.188.713
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(11.926.846.785)	(17.259.183.068)
- Chi phí lãi vay	06	27.734.674.679	32.704.181.115
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***485.458.853.965***	***543.281.016.482***
- Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	292.002.041.399	(129.420.259.699)
- Giảm hàng tồn kho	10	41.636.668.317	23.557.715.051
- Giảm/(tăng) các khoản phải trả	11	(523.650.733.801)	250.779.830.937
- (Tăng) chi phí trả trước	12	(13.816.985.589)	(8.412.886.591)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(29.319.775.006)	(35.834.097.890)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(63.725.507.910)	(84.141.325.413)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(41.437.862.997)	(44.708.136.718)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***147.146.698.378***	***515.101.856.159***
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(242.303.499.002)	(263.919.373.129)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	3.038.007.052	2.872.728.612
3. Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn	24	27.000.000.000	28.100.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(80.988.600.000)
5. Thu tiền lãi tiền gửi	27	10.278.225.124	18.746.099.592
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***(201.987.266.826)***	***(295.189.144.925)***
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.094.018.553.257	857.443.762.263
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.056.254.872.525)	(899.738.157.540)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(38.634.958.934)	(52.751.025.649)
4. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	(155.332.729.000)	(98.855.736.982)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(156.204.007.202)***	***(193.901.157.908)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	**50**	**(211.044.575.650)**	**26.011.553.326**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**619.799.701.899**	**593.788.148.573**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	164.682.109	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	**70**	**408.919.808.358**	**619.799.701.899**

Nguyễn Ngọc Dân	Ngô An Hòa	Vũ Quý Hiệu
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 07 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305097236 ngày 15 tháng 5 năm 2015 được cấp bởi Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh với vốn điều lệ là 500.000.000.000 đồng. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007397 ngày 25 tháng 7 năm 2007 và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Trụ sở chính của Công ty đặt tại Lầu 4, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.136 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.139 người).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Hoạt động chính của Công ty gồm:

Xuất khẩu, nhập khẩu khí dầu mỏ hóa lỏng (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh); mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng, các sản phẩm khí, các vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ cho công tác vận chuyển, tàng trữ, đóng bình và mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng (trừ mua bán dầu mỏ khí hóa lỏng tại trụ sở chính Công ty mẹ); xây lắp và tư vấn đầu tư các công trình khí hóa lỏng, các công trình công nghiệp khí; chuyển giao công nghệ, khai thác kinh doanh và bảo dưỡng các công trình liên quan đến khí hóa lỏng; vận chuyển khí hóa lỏng và kinh doanh vận tải hàng hóa bằng container; các dịch vụ liên quan đến khí hóa lỏng và các sản phẩm khí trong lĩnh vực công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải; kinh doanh xăng, dầu nhớt và các chất phụ gia liên quan đến xăng, dầu, nhớt; bán buôn và bán lẻ khí thiên nhiên nén; bán buôn phân bón; kinh doanh bất động sản; dịch vụ xếp dỡ hàng hóa; sản xuất, chiết nạp, phân phối khí dầu mỏ hóa lỏng và khí thiên nhiên nén; sản xuất thùng chứa kim loại cho khí nén, khí dầu mỏ hóa lỏng và khí đốt; sửa chữa các thùng bể chứa, container bằng kim loại; sơn, duy tu, sửa chữa bồn chứa, bể chứa, đường ống, kho chứa khí dầu mỏ các loại; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; xây dựng và hoàn thiện công trình kỹ thuật dân dụng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các chi nhánh tại Đồng Nai, Cần Thơ, Tiền Giang, Vĩnh Long, Cà Mau, Nha Trang, Ninh Thuận, Quảng Ngãi, Bình Định, Gia Lai, Đắk Lắk và nhà máy Bình Khí - Dầu Khí Việt Nam và ba (03) công ty con, bao gồm:

1. Công ty cổ phần CNG Việt Nam.
2. Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam.
3. Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông.

Các công ty con:

1. Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (sau đây gọi tắt là "CNG Việt Nam") được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động 20 năm theo Giấy chứng nhận đầu tư số 492032000040 ngày 28 tháng 5 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Hoạt động chính của CNG Việt Nam là sản xuất, chiết nạp khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG, quy mô 50.000.000 m^3/năm; cung cấp các dịch vụ cải tạo, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt các thiết bị chuyển đổi cho các phương tiện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên CNG, LNG và LPG; kinh doanh dịch vụ vận chuyển khí CNG, LNG và LPG và kinh doanh các nhiên liệu khác theo quy định của pháp luật; cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa công trình khí; mua bán và cho thuê thiết bị công nghiệp phục vụ công trình khí.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam (sau đây gọi tắt là "VT Gas") được đổi tên từ Công ty TNHH Khí hóa lỏng Việt Nam, hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3603179151 ngày 19 tháng 5 năm 2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp này thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 471023000142 ngày 30 tháng 6 năm 2008 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai cấp và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh.

   Hoạt động chính của VT Gas là sản xuất, chiết nạp, phân phối khí dầu mỏ hóa lỏng; vận chuyển khí dầu mỏ hóa lỏng; vận tải hàng hóa bằng container; xuất khẩu, nhập khẩu khí dầu mỏ hóa lỏng; bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng, các sản phẩm khí, các vật tư, thiết bị và phương tiện phục vụ công tác vận chuyển, tàng trữ, đóng bình và mua bán khí dầu mỏ hóa lỏng; lắp đặt hệ thống khí dầu mỏ hóa lỏng trong lĩnh vực công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải; bán lẻ khí dầu mỏ hóa lỏng; khai thác các công trình liên quan đến khí dầu mỏ hóa lỏng; xây dựng công trình khí dầu mỏ hóa lỏng và công nghiệp khí; chuyển giao công nghệ liên quan đến khí dầu mỏ hóa lỏng.

3. Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông (sau đây gọi tắt là "PV Gas Sài Gòn") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311024733 ngày 28 tháng 7 năm 2011 và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Hoạt động chính của PV Gas Sài Gòn là mua bán khí hóa lỏng, các sản phẩm khí, và các vật tư thiết bị và phương tiện phục vụ cho công tác vận chuyển, tích trữ, đóng bình và mua bán khí hóa lỏng (trừ mua bán gas tại trụ sở chính); xây lắp và tư vấn đầu tư các công trình khí hóa lỏng, các công trình công nghiệp khí, chuyển giao công nghệ, khai thác kinh doanh, bảo dưỡng các công trình dân dụng liên quan đến khí hóa lỏng; vận chuyển khí hóa lỏng; các dịch vụ liên quan đến khí hóa lỏng và các sản phẩm khí trong lĩnh vực công nghiệp, dân dụng và giao thông vận tải; kinh doanh xăng, dầu nhớt và các chất phụ gia liên quan đến xăng, dầu, nhớt; mua bán phân bón; kinh doanh bất động sản (chỉ thực hiện theo khoản 01 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản); dịch vụ xếp dỡ hàng hóa.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 202") về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con". Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi

nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh là 5 năm.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng, phải thu ngắn hạn khác và phải thu dài hạn khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán ngắn hạn, phải trả ngắn hạn khác, chi phí phải trả ngắn hạn, các khoản vay, và các khoản phải trả dài hạn.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày hợp đồng tiền gửi có hiệu lực và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc các khoản tiền gửi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế tài chính công ty, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán thực tế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	03 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 04
Tài sản cố định khác	03 - 04

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, đối với các tài sản cố định hữu hình là máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải dùng cho việc sản xuất, chiết nạp khí CNG, Công ty thực hiện khấu hao nhanh theo phương pháp số dư giảm dần được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành, với thời gian hữu dụng được áp tương tự như thời gian hữu dụng theo phương pháp khấu hao đường thẳng.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM
Lầu 4 Tòa nhà PetroVietnam , số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc, thiết bị	05
Phương tiện vận tải	03 - 06

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất, thương hiệu và phần mềm máy tính và giá trị quyền thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn. Giá trị thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 9 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Công ty không trích khấu hao cho Giá trị quyền thuê vì đây là quyền thuê đối với đất thuê vô thời hạn.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vào đơn vị khác mà Công ty chỉ nắm giữ dưới 20% quyền biểu quyết và không có ảnh hưởng đáng kể, có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán vốn trên 1 năm. Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Dự phòng đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ, khoản trả trước tiền thuê đất và lợi thế sử dụng đất, khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Phân bổ giá trị vỏ bình gas

Giá trị của vỏ bình gas được phản ánh trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 5 năm đến 10 năm. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ giá trị vỏ bình gas đối với các bình gas xuất sử dụng trong kỳ từ 6 năm lên 10 năm. Ảnh hưởng của sự thay đổi này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày tại Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 23.

Tiền thuê đất, lợi thế sử dụng đất và thuê văn phòng

Tiền thuê đất, lợi thế sử dụng đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí cải tạo văn phòng, giá trị bộ chuyển đổi CNG và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng của các khoản chi phí trả trước dài hạn đó.

Phân bổ khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được

Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời gian phân bổ giá trị vỏ bình gas. Số tiền ký quỹ, ký cược còn lại chưa phân bổ được phản ánh trên khoản mục phải trả dài hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ giá trị vỏ bình gas đối với các bình gas xuất sử dụng trong năm từ 6 năm lên thành 10 năm. Ảnh hưởng của sự thay đổi này đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được trình bày tại Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 23.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:
(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (04) điều kiện sau:
(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM
Lầu 4 Tòa nhà PetroVietnam , số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành để sử dụng cho đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Công ty.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tiền mặt	7.265.836.598	6.554.179.691
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	146.351.878.660	421.130.522.208
Tiền đang chuyển	302.093.100	30.000.000.000
Các khoản tương đương tiền (*)	255.000.000.000	162.115.000.000
	408.919.808.358	**619.799.701.899**

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đồng Việt Nam có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng với lãi suất được hưởng hàng năm từ 4% đến 4,8% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: từ 4% đến 5,1%/năm).

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu với lãi suất được hưởng là 5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 4,5%/năm).

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Các khoản phải thu khách hàng khác	509.418.967.226	687.835.542.071
- Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Thuyết minh số 43)	98.431.279.215	207.575.135.185
	607.850.246.441	**895.410.677.256**

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
a. Ngắn hạn		
Các khoản phải thu khách hàng khác	**26.113.278.214**	**22.096.262.004**
- Ký quỹ, ký cược	9.795.704.651	5.598.630.691
- Phải thu người lao động	7.659.263.296	6.216.839.199
- Phải thu về hợp đồng nhập khẩu ủy thác	5.110.346.213	-
- Lãi tiền gửi phải thu	561.917.600	668.049.333
- Phải thu khác	2.986.046.454	9.612.742.781
Phải thu khách hàng là các bên liên quan	**10.374.000.000**	**4.027.582.842**
- Chiết khấu hàng LPG từ Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	7.074.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn đã hết hạn (*)	3.300.000.000	3.300.000.000
- Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	-	541.726.434
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	-	185.856.408
	36.487.278.214	**26.123.844.846**
b. Dài hạn		
- Ký quỹ, ký cược	18.022.570.367	21.944.520.367
	18.022.570.367	**21.944.520.367**

(*) Khoản phải thu từ Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam – Chi nhánh Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chưa được Ngân hàng xác nhận do đang tranh chấp và chờ kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ban Giám đốc đã đánh giá khả năng thu hồi và đã trích lập dự phòng 70% cho khoản phải thu này từ năm 2013.

9. NỢ XẤU

	31/12/2015 VND		31/12/2014 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	3.300.000.000	990.000.000	3.300.000.000	1.650.000.000
Các khách hàng khác	8.330.388.183	2.491.862.429	10.848.334.635	3.506.706.366
	11.630.388.183	**3.481.862.429**	**14.148.334.635**	**5.156.706.366**

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015 VND		31/12/2014 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	-	-	392.909.091	-
Nguyên liệu, vật liệu	60.199.040.916	-	75.194.262.048	-
Công cụ, dụng cụ	56.860.121.224	-	50.989.060.309	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.884.724.876	-	15.296.034.859	-
Thành phẩm	3.252.583.134	-	50.110.059	-
Hàng hóa	20.048.838.585	2.047.325.982	46.274.772.894	4.119.595.170
Hàng gửi đi bán	133.479.918	-	31.738.363	-
	148.378.788.653	**2.047.325.982**	**188.228.887.623**	**4.119.595.170**

Trong năm, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 2.047.325.982 đồng và hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 4.119.595.170 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
a. Ngắn hạn	**47.654.465.264**	**37.732.058.518**
- Chi phí quảng cáo	12.872.981.516	8.922.993.460
- Chi phí bảo hiểm	7.290.472.875	7.853.056.676
- Công cụ, dụng cụ	6.705.617.175	2.231.848.758
- Chi phí bảo dưỡng, sơn sửa vỏ bình	13.513.674.426	8.762.107.672
- Chi phí thuê đất và lợi thế sử dụng đất	-	1.849.999.997
- Chi phí khác	7.271.719.272	8.112.051.955
b. Dài hạn	**470.221.528.289**	**444.931.383.626**
- Chi phí vỏ bình gas chờ phân bổ (1)	313.345.585.709	318.041.338.791
- Trả trước tiền thuê đất (2)	75.144.915.638	62.483.871.658
- Trả trước tiền thuê văn phòng (3)	42.553.454.933	43.501.670.115
- Chi phí sơn sửa vỏ bình	-	-
- Chi phí cải tạo văn phòng	8.021.567.644	6.048.702.920
- Bình chứa khí CNG	8.021.377.778	-
- Giá trị bộ chuyển đổi khí CNG	7.396.896.419	7.306.048.564
- Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa máy trạm CNG Mỹ Xuân	6.567.293.615	-
- Chi phí khác	9.170.436.553	7.549.751.578
	517.875.993.553	**482.663.442.144**

(1) Giá trị vỏ bình gas biến động trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Tại ngày đầu năm	318.041.338.791	347.753.326.508
Tăng thêm trong năm	61.290.963.071	86.242.040.481
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(65.440.394.984)	(115.892.959.830)
Thanh lý	(185.350.825)	(61.068.368)
Khác	(360.970.344)	-
Tại ngày cuối năm	**313.345.585.709**	**318.041.338.791**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ giá trị vỏ bình gas từ 6 năm lên 10 năm đối với những vỏ bình xuất sử dụng trong năm như trình bày tại Thuyết minh số 4. Ban Giám đốc tin rằng việc áp dụng thời gian phân bổ mới sẽ phản ánh chính xác hơn hiệu suất sử dụng vỏ bình gas của Công ty. Nếu thời gian phân bổ trước đây (6 năm) được tiếp tục sử dụng, chi phí phân bổ giá trị vỏ bình gas trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ tăng với số tiền là 8.611.022.008 đồng. Theo đó, lợi nhuận trước thuế của Công ty năm 2015 sẽ giảm với số tiền tương ứng.

(2) Trả trước tiền thuê đất bao gồm:

- Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phản ánh số tiền thuê 6.675 m^2 trả trước cho Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam với thời hạn thuê là 43,6 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2008.

- Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Xuân A, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phản ánh số tiền thuê 10.000 m2 trả trước cho Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam với thời hạn thuê là 37,6 năm kể từ ngày 19 tháng 11 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Trà Nóc 2, thành phố Cần Thơ phản ánh số tiền thuê 30.000 m^2 trả trước cho Công ty Xây dựng Hạ tầng Khu Công nghiệp Cần Thơ với thời hạn thuê là 35 năm kể từ năm 2009 đến năm 2044.

- Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai phản ánh số tiền thuê 17.000 m^2 với thời hạn thuê là 39,9 năm từ ngày 20 tháng 11 năm 2013.

- Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai phản ánh số tiền thuê 12.011,475 m^2 trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex - Tân Tạo với thời hạn thuê là 39,3 năm từ ngày 30 tháng 6 năm 2014.

- Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Nhơn Hội, tỉnh Bình Định phản ánh số tiền thuê 10.098 m^2 trả trước cho Công ty Cổ phần Khu Công Nghiệp Sài Gòn Nhơn Hội với thời hạn thuê là 45 năm từ ngày 18 tháng 3 năm 2011 đến ngày 21 tháng 6 năm 2056.

- Tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng phản ánh số tiền thuê 7.659 m^2 được trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn - Đà Nẵng với thời hạn thuê là 31 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015;

(3) Trả trước tiền thuê văn phòng phản ánh số tiền thuê 670,02 m^2 được trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với thời hạn thuê là 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	435.103.190.271	894.500.751.281	378.787.752.380	7.517.876.099	24.192.136.633	1.740.101.706.664
Mua sắm mới	3.899.159.802	12.825.751.816	1.148.806.818	1.077.600.728	859.090.909	19.810.410.073
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	40.104.691.870	50.622.638.944	87.845.891.902	-	-	178.573.222.716
Chuyển từ Tài sản cố định thuê tài chính	-	47.933.998.993	-	-	-	47.933.998.993
Phân loại lại	1.337.792.438	(1.425.030.239)	19.715.000	70.206.689	-	2.683.888
Thanh lý, nhượng bán	(7.033.716.895)	-	(3.551.262.715)	(215.397.381)	-	(10.800.376.991)
Điều chỉnh khác	(35.785.173)	-	-	(26.900.000)	-	(62.685.173)
Tại ngày 31/12/2015	473.375.332.313	1.004.458.110.795	464.250.903.385	8.423.386.135	25.051.227.542	1.975.558.960.170
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	143.595.839.671	580.897.088.112	321.293.757.117	4.108.877.505	22.199.007.716	1.072.094.570.121
Khấu hao trong năm	21.759.244.953	132.270.928.200	40.033.203.247	967.209.453	743.700.367	195.774.286.220
Chuyển từ Tài sản cố định thuê tài chính	-	47.933.998.993	-	-	-	47.933.998.993
Thanh lý, nhượng bán	(5.750.463.237)	-	(3.551.262.715)	(215.397.381)	-	(9.517.123.333)
Điều chỉnh khác	-	-	-	(26.900.000)	-	(26.900.000)
Tại ngày 31/12/2015	159.604.621.387	761.102.015.305	357.775.697.649	4.833.789.577	22.942.708.083	1.306.258.832.001
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2015	**313.770.710.926**	**243.356.095.490**	**106.475.205.736**	**3.589.596.558**	**2.108.519.459**	**669.300.128.169**
Tại ngày 31/12/2014	**291.507.350.600**	**313.603.663.169**	**57.493.995.263**	**3.408.998.594**	**1.993.128.917**	**668.007.136.543**

Như trình bày tại Thuyết minh số 25, Công ty đã thế chấp nhà xưởng, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 218.568.799.761 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 179.254.090.063 đồng) để đảm bảo cho các khoản vay theo hợp đồng tín dụng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP An Bình và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 769.199.284.348 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 367.147.015.987 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Như trình bày tại Thuyết minh số 4, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng trích khấu hao nhanh theo phương pháp số dư giảm dần có điều chỉnh đối với một số tài sản cố định hữu hình là máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải sử dụng vào hoạt động sản xuất, chiết nạp khí CNG. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc áp dụng phương pháp khấu hao mới sẽ phản ảnh chính xác hơn tình hình hoạt động của Công ty cũng như hiệu suất sử dụng tài sản của các máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải này. Nếu Công ty tiếp tục áp dụng phương pháp khấu hao theo đường thẳng đối với các tài sản cố định này, thì chi phí khấu hao trong năm 2015 sẽ giảm 18.021.741.690 đồng và lợi nhuận trước thuế sẽ tăng với số tiền tương ứng.

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	227.179.017.298	1.521.235.000	228.700.252.298
Tăng trong năm	22.139.223.350	-	22.139.223.350
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(47.933.998.993)	-	(47.933.998.993)
Tại ngày 31/12/2015	201.384.241.655	1.521.235.000	202.905.476.655
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	133.234.163.373	1.521.235.000	134.755.398.373
Khấu hao trong năm	48.619.094.037	-	48.619.094.037
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(47.933.998.993)	-	(47.933.998.993)
Tại ngày 31/12/2015	133.919.258.417	1.521.235.000	135.440.493.417
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 31/12/2015	**67.464.983.238**	**-**	**67.464.983.238**
Tại ngày 31/12/2014	**93.944.853.925**	**-**	**93.944.853.925**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định thuê tài chính của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.521.235.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.521.235.000 đồng).

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Phần mềm máy tính VND	Giá trị quyền thuê VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	28.839.738.884	1.464.370.376	2.399.274.606	4.288.007.246	36.991.391.112
Tăng trong năm	-	-	140.800.000	-	140.800.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	1.200.000.000	-	1.200.000.000
Tại ngày 31/12/2015	28.839.738.884	1.464.370.376	3.740.074.606	4.288.007.246	38.332.191.112
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	1.320.053.703	729.998.257	1.523.034.658	-	3.573.086.618
Khấu hao trong năm	343.355.441	162.707.820	607.143.770	-	1.113.207.031
Tại ngày 31/12/2015	1.663.409.144	892.706.077	2.130.178.428	-	4.686.293.649
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2015	**27.176.329.740**	**571.664.299**	**1.609.896.178**	**4.288.007.246**	**33.645.897.463**
Tại ngày 31/12/2014	**27.519.685.181**	**734.372.119**	**876.239.948**	**4.288.007.246**	**33.418.304.494**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 1.288.263.606 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 1.104.699.452 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Mua sắm	-	897.240.480
- Xây dựng cơ bản	63.287.274.795	46.245.138.554
Trong đó		
- Dự án Samsung CE Complex	47.875.196.447	-
- Di dời nhà máy Bình Khí	8.550.117.201	39.186.072.811
- Trạm chiết nạp LPG Cần Thơ	2.968.057.217	2.968.057.217
- Công trình khác	3.893.903.930	4.988.249.006
	63.287.274.795	**47.142.379.034**

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần CNG Việt Nam	Vũng Tàu	55,2%	55,2%	Kinh doanh khí thiên nhiên nén
Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam	Đồng Nai	100%	100%	Kinh doanh khí hóa lỏng
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh khí hóa lỏng

Ngày 26 tháng 01 năm 2016, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Khí hóa lỏng Miền Nam đã thông qua Nghị quyết số 18/NQ-KMN về việc thoái toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần CNG Việt Nam. Thời gian dự kiến thực hiện là trước ngày 30 tháng 4 năm 2016.

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn thể hiện khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny với tổng giá trị là 50 tỷ đồng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Thông tin chi tiết về Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny	Long An	14%	14%	Cho thuê kho LPG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã lập dự phòng giảm giá 100% cho khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Vinabenny dựa trên tình hình hoạt động thực tế của công ty này. Chi tiết như sau:

	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn VND
Tại ngày 31/12/2014 và ngày 31/12/2015	50.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM
Lầu 4 Tòa nhà PetroVietnam , số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
- Thuế suất ưu đãi	10%	10%
- Thuế suất thông thường	20%	22%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ		
- Chịu thuế suất ưu đãi	1.178.354.412	1.234.408.311
- Chịu thuế suất thông thường	14.645.816.312	16.621.879.697
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	**15.824.170.724**	**17.856.288.008**

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Lợi thế thương mại VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015 và 31/12/2015	55.295.223.043
GIÁ TRỊ PHÂN BỔ LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	25.739.624.197
Phân bổ trong năm	11.059.044.609
Tại ngày 31/12/2015	36.798.668.806
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2015	**18.496.554.237**
Tại ngày 31/12/2014	**29.555.598.846**

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND		31/12/2014 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
- Phải trả cho các đối tượng khác	125.357.474.897	125.357.474.897	253.768.057.385	253.768.057.385
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 43)	758.914.995.394	758.914.995.394	1.170.788.921.654	1.170.788.921.654
	884.272.470.291	**884.272.470.291**	**1.424.556.979.039**	**1.424.556.979.039**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	01/01/2015 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã khấu trừ/thực nộp trong năm VND	31/12/2015 VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	34.455.253.683	736.781.729.345	(758.323.752.191)	12.913.230.837
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	27.963.623.044	(29.875.382.556)	(1.911.759.512)
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu nộp thừa	(2.082.821)	7.275.348.861	(7.275.348.861)	(2.082.821)
Tổng cộng	**34.453.170.862**	**772.020.701.250**	**(795.474.483.608)**	**10.999.388.504**
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	697.465.641	132.738.727.586	(130.897.700.934)	2.538.492.293
Thuế nhập khẩu	-	2.163.029.613	(2.163.029.613)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.005.950.986	32.403.124.277	(33.850.125.354)	6.558.949.909
Thuế thu nhập cá nhân phải trả	706.417.322	10.952.955.525	(10.284.483.466)	1.374.889.381
Thuế và các khoản phải nộp khác	525.505.306	1.375.635.599	(1.718.172.397)	182.968.508
Tổng cộng	**9.935.339.255**	**179.633.472.600**	**(178.913.511.764)**	**10.655.300.091**

22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Lãi tiền vay	571.137.378	2.156.237.705
Khác	10.252.772.560	9.122.253.875
	10.823.909.938	**11.278.491.580**

23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
a. Ngắn hạn		
Cổ tức phải trả	18.143.115.000	-
Chiết khấu bán hàng	15.606.142.170	18.912.350.047
Thuế thu nhập cá nhân phải trả từ cổ tức	3.248.503.535	1.527.989.612
Hàng LPG vay trả	2.748.889.590	-
Các khoản khác	12.933.573.711	12.197.729.377
Cộng	**52.680.224.006**	**32.638.069.036**
b. Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (*)	111.397.216.053	108.515.632.035

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM
Lầu 4 Tòa nhà PetroVietnam , số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(*) Phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Số đầu năm	108.515.632.035	126.717.001.974
Tăng thêm trong năm	33.211.834.500	47.322.171.596
Kết chuyển vào doanh thu	(27.533.288.188)	(37.523.197.618)
Thanh lý hợp đồng ký quỹ, ký cược vỏ bình gas	(2.796.962.294)	(28.000.343.917)
Số cuối năm	**111.397.216.053**	**108.515.632.035**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Ban Giám đốc Công ty đã thay đổi thời gian phân bổ số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng của Công ty từ 6 lên 10 năm, tương ứng với sự thay đổi về thời gian phân bổ giá trị vỏ bình gas (xem Thuyết minh số 11). Nếu thời gian phân bổ trước đây (6 năm) được tiếp tục sử dụng, doanh thu từ phân bổ số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng của Công ty trong năm 2015 sẽ tăng với số tiền là 1.196.008.654 đồng. Theo đó, lợi nhuận trước thuế năm 2015 của Công ty sẽ tăng với số tiền tương ứng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

24. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2015		Trong năm		31/12/2014	
	VND				VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng (1)	183.000.000.000	183.000.000.000	620.000.000.000	(507.000.000.000)	70.000.000.000	70.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn (2)	50.000.000.000	50.000.000.000	330.000.000.000	(330.000.000.000)	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (3)	17.000.000.000	17.000.000.000	17.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	-	-	-	(30.000.000.000)	30.000.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	-	20.000.000.000	(20.000.000.000)	-	-
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	-	7.000.000.000	(7.000.000.000)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 25)	65.460.361.280	65.460.361.280	82.093.616.388	(143.823.782.056)	127.190.526.947	127.190.526.947
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 25)	27.678.629.643	27.678.629.643	28.265.916.070	(38.634.958.934)	38.047.672.507	38.047.672.507
Tổng cộng	**343.138.990.923**	**343.138.990.923**	**1.104.359.532.458**	**(1.076.458.740.990)**	**315.238.199.454**	**315.238.199.454**

(1) Khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Kỳ Đồng theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 02/CV-0147/KH/12NH ngày 18 tháng 02 năm 2014 và Hợp đồng sửa đổi bổ sung của Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 03/HĐSĐBS-02/CV-07/KH/12NH để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này có thể được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 200.000.000.000 đồng. Thời hạn rút vốn đến hết ngày 31 tháng 08 năm 2016. Thời hạn cho vay đối với từng khoản vay cụ thể được thể hiện trên từng khế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay đối với từng khoản vay cụ thể được thể hiện trên khế ước nhận nợ và biến động theo lãi suất thị trường. Lãi vay được trả hàng tháng, nợ gốc được thanh toán một lần khi đến hạn.

(2) Thể hiện khoản vay tín chấp từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2015 - HĐTDHM/NHCT948 - PGS ngày 01 tháng 01 năm 2015 cho mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này có thể được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 200.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng đến hết ngày 15 tháng 4 năm 2016. Thời hạn cho vay đối với từng khoản vay cụ thể được thể hiện trên từng khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 03 tháng. Lãi suất cho vay đối với từng khoản vay cụ thể được thể hiện trên khế ước nhận nợ và biến động theo lãi suất thị trường. Lãi vay được trả hàng tháng, nợ gốc được thanh toán một lần khi đến hạn.

(3) Thể hiện khoản vay tín chấp từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư & Phát triển Việt Nam theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 50/2015/600315 ngày 31 tháng 7 năm 2015 cho mục đích bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này có thể được giải ngân bằng Đồng Việt Nam với số tiền tối đa là 200.000.000.000 đồng. Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2016. Thời hạn cho vay đối với từng khoản vay cụ thể được thể hiện trên từng khế ước nhận nợ nhưng tối đa không quá 03 tháng. Lãi suất cho vay đối với từng khoản vay cụ thể được thể hiện trên khế ước nhận nợ và biến động theo lãi suất thị trường. Lãi vay được trả hàng tháng, nợ gốc được thanh toán một lần khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2015		Trong năm		31/12/2014	
	VND				VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	-	-	-	(46.666.666.668)	46.666.666.668	46.666.666.668
Ngân hàng TMCP Quân Đội	4.007.789.094	4.007.789.094	4.256.976.296	(39.177.751.993)	38.928.564.791	38.928.564.791
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	5.988.800.000	5.988.800.000	1.548.000.000	(1.497.200.000)	5.938.000.000	5.938.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hồ Chí Minh	12.546.688.000	12.546.688.000	-	(6.273.344.000)	18.820.032.000	18.820.032.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	52.296.443.076	52.296.443.076	-	(18.727.956.924)	71.024.400.000	71.024.400.000
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	-	-	-	(32.242.010.845)	32.242.010.845	32.242.010.845
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	40.239.410.334	40.239.410.334	47.844.184.000	(7.604.773.666)	-	-
Ngân hàng TMCP An Bình	34.811.362.848	34.811.362.848	34.811.362.848	-	-	-
Tổng các khoản vay dài hạn	**149.890.493.352**	**149.890.493.352**	**88.460.523.144**	**(152.189.704.096)**	**213.619.674.304**	**213.619.674.304**
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam	24.731.519.701	24.731.519.701	-	(15.458.242.889)	40.189.762.590	40.189.762.590
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	10.207.314.563	10.207.314.563	-	(11.145.122.400)	21.352.436.963	21.352.436.963
Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng Á Châu	-	-	-	(8.643.494.799)	8.643.494.799	8.643.494.799
Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease	4.123.437.879	4.123.437.879	1.531.000.000	(3.388.098.846)	5.980.536.725	5.980.536.725
Tổng các khoản nợ dài hạn	**39.062.272.143**	**39.062.272.143**	**1.531.000.000**	**(38.634.958.934)**	**76.166.231.077**	**76.166.231.077**
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24)	(65.460.361.280)	(65.460.361.280)	82.093.616.388	(143.823.782.056)	(127.190.526.947)	(127.190.526.947)
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 24)	(27.678.629.643)	(27.678.629.643)	28.265.916.070	(38.634.958.934)	(38.047.672.507)	(38.047.672.507)
Tổng cộng	**95.813.774.572**	**95.813.774.572**	**200.351.055.602**	**(373.283.404.020)**	**124.547.705.927**	**124.547.705.927**

Vay dài hạn

Vay dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm các khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn, Ngân hàng TMCP Quân Đội, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP An Bình. Gốc vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 149.890.493.352 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, số dư vay tại các ngân hàng là 213.619.674.304 đồng). Các khoản vay này có thời hạn từ 3 đến 5 năm và chịu lãi suất từ 6,1% đến 11,1%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: từ 6,9% đến 12,5%/năm). Lãi suất được điều chỉnh định kỳ theo thông báo của ngân hàng. Các khoản vay này được sử dụng để tài trợ các công trình xây dựng các dự án CNG, dự án di dời Nhà máy Bình khí Dầu khí, các bồn chứa khí, các kho chứa LPG tại Dung Quất. Các khoản vay này được thế chấp bằng máy móc, thiết bị, quyền sử dụng đất tại Nhà máy Bình Khí Dầu khí của Công ty (xem Thuyết minh số 12).

Nợ dài hạn

Nợ dài hạn bao gồm các khoản nợ thuê tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín, Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam và Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease, có thời hạn thuê từ 3 đến 5 năm. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam chịu lãi suất cho thuê từ 8,09% đến 9,00%/năm. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng theo niêm yết của Ngân hàng Thương mại Cổ phần ("TMCP") Sài Gòn Thương Tín cộng với 4,5% đến 5%/năm và được điều chỉnh 6 tháng/lần. Khoản nợ thuê tài chính với Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease chịu lãi suất cho thuê bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng theo niêm yết của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam cộng với 4%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	65.460.361.280	127.190.526.947
Trong năm thứ hai	53.159.904.800	45.158.095.488
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	31.270.227.272	41.271.051.869
	149.890.493.352	**213.619.674.304**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	(65.460.361.280)	(127.190.526.947)
Số phải trả sau 12 tháng	**84.430.132.072**	**86.429.147.357**

Các khoản nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Các khoản tiền thuê tối thiểu		Giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu	
	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	30.016.763.059	43.361.844.310	27.678.629.643	38.047.672.507
Trong năm thứ hai	9.685.314.181	29.520.934.955	9.083.576.871	27.176.038.014
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.337.173.138	11.579.233.074	2.300.065.629	10.942.520.556
	42.039.250.378	84.462.012.339	39.062.272.143	76.166.231.077
Trừ: Các khoản phí tài chính trong tương lai	(2.976.978.235)	(8.295.781.262)	-	-
Giá trị hiện tại của các khoản thuê tài chính phải trả	39.062.272.143	76.166.231.077	39.062.272.143	76.166.231.077
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)			(27.678.629.643)	(38.047.672.507)
Số phải trả sau 12 tháng			**11.383.642.500**	**38.118.558.570**

26. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 được trích lập bởi Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (công ty con của Công ty) từ năm 2012 để sử dụng cho đầu tư nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam chưa có kế hoạch sử dụng Quỹ này.

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2015	31/12/2014
Được phép phát hành và đã góp vốn đủ		
Số lượng (cổ phần)	50.000.000	38.000.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	**500.000.000.000**	**380.000.000.000**

Cổ phiếu	31/12/2015	31/12/2014
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	38.000.000
- Số lượng cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	1.206	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	49.998.794	38.000.000

Công ty chỉ có một loại cổ phiếu phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Chủ sở hữu cổ phiếu phổ thông có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Chi tiết các cổ đông tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015 VND	%	31/12/2014 VND	%
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	176.303.800.000	35,26	134.000.000.000	35,26
Halley Sicav - Halley Asian Prosperity	47.316.510.000	9,46	35.963.000.000	9,46
Cổ đông khác	276.379.690.000	55,28	210.037.000.000	55,28
	500.000.000.000	**100**	**380.000.000.000**	**100**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Vốn khác thuộc chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối đến cuối năm trước VND	Lợi nhuận chưa phân phối đến cuối năm nay VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2014	380.000.000.000	46.150.397.684	-	2.042.818.129	268.171.579.832	44.380.298.554	160.979.644.634	-	238.991.026.582	1.140.715.765.415
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	140.257.918.198	51.198.196.750	191.456.114.948
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(57.000.000.000)	-	(42.335.487.264)	(99.335.487.264)
Phân phối quỹ	-	-	-	-	85.407.582.058	4.888.039.526	(66.393.742.491)	(23.901.879.093)	-	-
Phân phối quỹ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(4.314.157.669)	-	4.314.157.669	-		-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(4.737.770.322)	(37.848.598.566)	(1.565.971.786)	(44.152.340.674)
Trích Quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty	-	-	-	-	-	-	(324.000.000)	(300.004.302)	-	(624.004.302)
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ lợi ích	-	-	-	-	-	-	-	-	(53.226.612.203)	(53.226.612.203)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	-	(157.155.796)	1.002.264	(156.153.532)
Áp dụng Thông tư số 200/2014-TT-BTC	-	-	-	-	49.268.338.080	(49.268.338.080)	-	-	-	-
Chuyển từ LNCPP năm nay sang LNCPP lũy kế đến cuối năm trước	-	-	-	-	-	-	78.050.280.441	(78.050.280.441)	-	-
Tại ngày 01/01/2015	**380.000.000.000**	**46.150.397.684**	**-**	**2.042.818.129**	**398.533.342.301**	**-**	**114.888.569.931**	**-**	**193.062.154.343**	**1.134.677.282.388**
Tăng vốn trong kỳ (3)	120.000.000.000	-	-	-	(120.000.000.000)	-	-	-		-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	111.405.866.667	53.189.738.125	164.595.604.792
Chia cổ tức (1)	-	-	-	-	-	-	(63.000.000.000)	(49.998.794.000)	(60.479.267.520)	(173.478.061.520)
Phân phối quỹ (2)	-	-	-	3.024.015.069	23.280.172.185	-	(16.559.870.922)	(9.744.316.332)		-
Phân phối quỹ cho cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(5.635.203.326)	-	5.635.203.326	-	-	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (2)	-	-	-	-	-	-	(5.468.189.255)	(39.614.600.977)	(7.777.337.000)	(52.860.127.232)
Trích quỹ thưởng Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành Công ty (2)	-	-	-	-	-	-	-	(300.000.000)	-	(300.000.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(12.061.327)	-	-	-	-	-	-	(12.061.327)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	-	-	(4.743.031.825)	-	877.394.980	(3.865.636.845)
Tại ngày 31/12/2015	**500.000.000.000**	**46.150.397.684**	**(12.061.327)**	**5.066.833.198**	**296.178.311.160**	**-**	**30.752.681.255**	**11.748.155.358**	**178.872.682.928**	**1.068.757.000.256**

(1) Theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2015 của Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2015, Công ty mẹ đã công bố chia cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2014 với số tiền là 63.000.000.000 đồng. Theo Nghị quyết số 17/NQ-KMN ngày 02 tháng 11 năm 2015 của Hội đồng quản trị, Công ty mẹ tạm ứng cổ tức đợt 1 bằng tiền mặt với tỷ lệ 10%/ cổ phiếu là 49.998.794.000. Trong năm, Công ty mẹ đã chi trả 112.998.794.000 đồng tiền ổ tức. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 04/NQ-ĐHĐCĐ/2015 ngày 10 tháng 4 năm 2015, Công ty cổ phần CNG Việt Nam đã phê duyệt mức chia cổ tức năm 2014 là 35% /mệnh giá cổ phần từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Trong năm 2015, Công ty Cổ phần CNG Việt Nam đã chi trả cổ tức bằng tiền mặt với số tiền 42.333.935.000 đồng.

(2) Số trích lập các quỹ trong năm bao gồm số trích lập bổ sung Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2014 và tạm trích từ lợi nhuận chưa phân phối năm nay theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2015 và Nghị quyết số 04/NQ-ĐHĐCĐ/2015 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (công ty con của Công ty) thông qua ngày 10 tháng 4 năm 2015.

(3) Trong năm, Công ty đã tăng vốn góp của chủ sở hữu từ Quỹ đầu tư phát triển theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2015 cho các cổ đông hiện hữu với số lượng cổ phần phát hành thêm là 12.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần tương đương với 120.000.000.000 đồng theo tỷ lệ 1:0,3158. Số cổ phiếu này đã được niêm yết bổ sung theo Quyết định số 383/TB-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 15 tháng 4 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
1. Hàng hóa nhận giữ hộ (Khí hóa lỏng - VND)	7.911.540.200	9.688.536.429
2. Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	3.065.122,59	10.404
- Euro (EUR)	947,00	945

29. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát được xác định như sau:

	CNG Việt Nam VND	VT Gas VND	PV Gas Sai Gon VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Vốn cổ phần/điều lệ của công ty con	269.996.730.000	57.895.360.840	100.000.000.000
Trong đó:			
- Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	149.042.630.000	57.895.360.840	100.000.000.000
- Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	120.954.100.000	-	-
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	**44,80%**	-	-
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015			
Vốn cổ phần/điều lệ của công ty con	270.000.000.000	57.895.360.840	100.000.000.000
Trong đó:			
- Vốn phân bổ cho Công ty mẹ	149.042.630.000	57.895.360.840	100.000.000.000
- Vốn phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	120.957.370.000	-	-
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông không kiểm soát	**44,80%**	-	-

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bằng giá trị tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	CNG Việt Nam VND	VT Gas VND	PV Gas Sai Gon VND	Tổng VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014				
Chi tiết như sau:				
- Vốn góp của chủ sở hữu	120.954.100.000	-	-	120.954.100.000
- Thặng dư vốn cổ phần	721.172.704	-	-	721.172.704
- Vốn khác của chủ sở hữu	1.511.763.616	-	-	1.511.763.616
- Quỹ đầu tư phát triển	8.026.088.142	-	-	8.026.088.142
- Quỹ dự phòng tài chính	9.648.776.636	-	-	9.648.776.636
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	52.200.253.245	-	-	52.200.253.245
Tổng	**193.062.154.343**	-	-	**193.062.154.343**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Chi tiết như sau:				
- Vốn góp của chủ sở hữu	120.954.100.000	-	-	120.954.100.000
- Thặng dư vốn cổ phần	721.172.704	-	-	721.172.704
- Vốn khác của chủ sở hữu	4.112.212.451	-	-	4.112.212.451
- Quỹ đầu tư phát triển	20.709.619.269	-	-	20.709.619.269
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	32.375.578.504	-	-	32.375.578.504
Tổng	**178.872.682.928**	-	-	**178.872.682.928**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015:

	CNG Việt Nam VND	VT Gas VND	PV Gas Sai Gon VND	Tổng VND
31/12/2015				
Lợi nhuận trong năm	118.727.094.029	10.771.933.284	9.477.228.199	138.976.255.512
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh	53.189.738.125	-	-	53.189.738.125
31/12/2014				
Lợi nhuận trong năm	112.489.278.077	13.014.404.883	9.707.064.476	135.210.747.436
Lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát từ kết quả hoạt động kinh doanh	50.395.196.578	803.000.172	-	51.198.196.750

30. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh khí LPG và khí CNG. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là kinh doanh xăng, dầu, nhớt, sản xuất và kinh doanh vỏ bình gas, cung cấp dịch vụ bảo dưỡng và sửa chữa bình gas, cho thuê kho. Doanh thu từ các hoạt động kinh doanh khác chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 4%, năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 4%). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày ở Thuyết minh số 31 và số 32 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Về mặt địa lý, Công ty chỉ có hoạt động kinh doanh trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 là phù hợp với các quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 "Báo cáo bộ phận" và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Công ty.

31. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu khí LPG	4.129.359.943.611	5.149.385.896.280
- Doanh thu khí CNG	1.778.906.653.845	2.218.652.862.526
- Doanh thu xăng dầu nhớt	75.739.036.152	96.204.558.533
- Doanh thu từ tiền đặt cọc bình gas	27.886.465.482	37.523.197.618
- Doanh thu từ bán bình gas	113.986.968.273	117.141.864.411
- Doanh thu bán phế liệu	3.564.863.637	3.417.824.337
- Doanh thu khác	35.813.872.794	38.865.640.587
	6.165.257.803.794	**7.661.191.844.292**
Trong đó		
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 43)	1.060.085.941.148	893.383.548.566
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Chiết khấu thương mại	(208.910.134.361)	(173.479.716.511)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**5.956.347.669.433**	**7.487.712.127.781**

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM
Lầu 4 Tòa nhà PetroVietnam , số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2015 VND	2014 VND
Giá vốn kinh doanh khí LPG	3.489.227.671.714	4.597.687.814.772
Giá vốn kinh doanh khí CNG	1.068.799.964.560	1.447.180.390.405
Giá vốn kinh doanh xăng dầu nhớt	69.397.603.947	92.903.519.640
Phân bổ vỏ bình gas	65.440.394.984	67.988.673.051
Giá vốn kinh doanh bình gas	108.423.589.714	113.160.617.052
Giá vốn bán phế liệu	3.348.212.497	2.859.250.424
Giá vốn hoạt động khác	22.456.283.973	17.319.535.057
	4.827.093.721.389	**6.339.099.800.401**

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2015 VND	2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	147.760.469.378	153.520.603.865
Chi phí nhân công	242.240.705.700	197.838.066.639
Chi phí khấu hao tài sản cố định	245.506.587.288	282.449.061.497
Chi phí dịch vụ mua ngoài	526.727.762.151	497.721.862.101
Chi phí khác bằng tiền	164.368.023.789	100.316.392.005
	1.326.603.548.306	**1.231.845.986.107**

34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.172.093.391	17.259.183.068
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	471.551.624	104.386.866
Doanh thu hoạt động tài chính khác	3.500.000	-
	10.647.145.015	**17.363.569.934**

35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2015 VND	2014 VND
Lãi tiền vay	27.734.674.679	32.704.181.115
Lỗ chênh lệch tỷ giá	322.247.762	625.771.726
Khác	91.510.977	115.128.111
	28.148.433.418	**33.445.080.952**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2015 VND	2014 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên quản lý	42.812.261.343	53.605.129.826
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	135.113.456.431	153.772.088.844
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	4.682.787.402	-
	173.242.930.372	**207.377.218.670**
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
- Chi phí nhân viên bán hàng	156.306.944.579	121.223.430.320
- Chi phí khấu hao	168.043.676.984	189.808.700.837
- Chi phí vận chuyển khí LPG và CNG	82.267.941.528	84.846.003.823
- Các khoản chi phí bán hàng khác	311.761.636.537	276.635.051.779
	718.380.199.628	**672.513.186.759**

37. LỢI NHUẬN KHÁC

	2015 VND	2014 VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.754.753.394	3.806.251.626
Thu từ dịch vụ quản lý kho	4.797.820.992	4.031.782.332
Khác	3.447.230.432	1.512.464.699
Thu nhập khác	**10.831.609.363**	**9.350.498.657**
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	881.838.330	4.359.196.865
Khác	3.147.889.033	11.025.339.862
Chi phí khác	**4.029.727.363**	**15.384.536.727**
Lợi nhuận khác	**6.801.882.000**	**(6.034.038.070)**

38. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	46.864.229.729	40.843.819.051
- Ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung theo kiến nghị của Kiểm toán nhà nước (*)	12.529.259.284	-
- Bổ sung thuế các năm trước (**)	910.200.552	26.663.508.416
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**60.303.689.565**	**67.507.327.467**

Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% tính trên thu nhập chịu thuế. Theo Giấy chứng nhận đầu tư cho hoạt động kinh doanh khí CNG hiệu chỉnh số 49221000148 ngày 06 tháng 6 năm 2011, hoạt động kinh doanh khí CNG tại Khu Công Nghiệp Mỹ Xuân A, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp một năm và giảm 50% cho bốn năm tiếp theo kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế. Công ty mẹ đã đăng ký với cơ quan thuế năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế là năm 2010 để được hưởng ưu đãi miễn thuế cho năm 2010. Theo đó, năm 2014 được xem là năm thứ năm hoạt động kinh doanh khí CNG có thu nhập chịu thuế (năm thứ tư được miễn giảm 50%). Từ năm 2015, Công ty mẹ nộp thuế theo thuế suất 22%.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM
Lầu 4 Tòa nhà PetroVietnam , số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty Cổ phần CNG Việt Nam (công ty con của Công ty, gọi tắt là "CNG") có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm theo tỷ lệ 20% tính trên thu nhập chịu thuế trong vòng 10 năm kể từ khi đi vào hoạt động và theo tỷ lệ 22% cho các năm tiếp theo. Ngoài ra, CNG được miễn thuế thu nhập trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi (2009) và được giảm 50% thuế suất áp dụng nêu trên cho 6 năm tiếp theo (từ năm 2011). Đối với phần công suất vượt công suất đăng ký kinh doanh hiện tại, CNG có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường.

Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam và Công ty TNHH MTV Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Đông (các công ty con của Công ty) có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất thông thường là 22% tính trên thu nhập chịu thuế theo quy định của Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015.

(*) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung cho dự án đầu tư mở rộng trạm chiết nạp khí CNG tại Khu Công Nghiệp Mỹ Xuân A, Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho giai đoạn từ tháng 11 năm 2010 đến tháng 8 năm 2011 do Công ty không được hưởng thuế suất ưu đãi theo Biên bản xác nhận số liệu và tình hình đối chiếu của Kiểm toán nhà nước tháng 9 năm 2015.

(**) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung cho năm 2011, 2012 và 2014 được Công ty TNHH MTV Khí hóa lỏng Việt Nam (công ty con của Công ty) ghi nhận theo Quyết định số 86/QĐ-CT ngày 10 tháng 02 năm 2015 ban hành bởi Cục thuế tỉnh Đồng Nai.

39. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2015 VND	2014 (Trình bày lại) VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (VND)	111.405.866.667	140.257.918.198
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành (*)	(40.968.189.255)	(40.307.193.746)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	**70.437.677.412**	**99.950.724.452**
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.998.794	49.998.794
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	**1.409**	**1.999**

(*) Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng Ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 dựa trên số liệu kế hoạch năm 2015 đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 21 tháng 4 năm 2015 và Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần CNG Việt Nam thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 04/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 4 năm 2015.

Theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 (VAS 30) "Lãi trên cổ phiếu", tổng số cổ phiếu bình quân trong năm được điều chỉnh do việc Công ty tăng vốn cổ phần với số tiền 120.000.000.000 từ Quỹ đầu tư phát triển năm 2014 theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHCĐ. Đồng thời, theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về việc điều chỉnh quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty trước khi xác định lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2014 đã được trình bày lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

40. CAM KẾT CHI TIÊU VỐN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các khoản cam kết chi tiêu vốn liên quan đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định với số tiền là 6.328.926.988 đồng.

41. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	2015 VND	2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	14.561.615.649	14.881.097.960

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Trong vòng một năm	12.388.412.030	10.479.648.710
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	24.429.557.231	27.701.188.634
Sau năm năm	93.669.273.368	24.246.141.304
	130.487.242.629	**62.426.978.648**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện các khoản thanh toán cho việc thuê văn phòng, thuê đất và thuê xe như sau:

- Hợp đồng thuê mặt bằng bãi Cảng Gò Dầu A tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai số 01-04-08/HĐKT.CĐN kí kết với Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai, diện tích thuê là 9.210 m^2, thời hạn thuê là 20 năm kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2008.

- Phụ lục số 1, Hợp đồng thuê mặt bằng bãi Cảng Gò Dầu A tại xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai số 01-04-08/HĐKT.CĐN ký kết với Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai, diện tích thuê là 2.170 m^2, thời hạn thuê là 16,5 năm kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2012.

- Hợp đồng thuê văn phòng tại Lầu 8, tòa nhà PetroVietnam, 1-5 Lê Duẩn, số 6917C/2013/HĐ DKVN - PV Gas South ký kết với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ngày 30 tháng 9 năm 2013; thời hạn thuê là 5 năm. Ngoài ra, Công ty còn có các hợp đồng thuê xe ký kết với Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long với thời hạn từ 3 đến 4 năm.

- Tổng số tiền thuê 10.000 m^2 đất tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam với giá thuê hàng năm là 1,4 Đô la Mỹ/m^2 theo hợp đồng thuê đất số 41/HDT/TLD/IZICO ngày 16 tháng 8 năm 2007 và các phụ lục kèm theo.

- Tổng số tiền thuê văn phòng tại Hà Nội, Việt Nam với giá thuê hàng tháng là 47.927.840 đồng theo hợp đồng thuê số 3/1/2015/HDTVP ngày 20 tháng 3 năm 2015.

- Hợp đồng thuê mặt bằng bãi Cảng Long Bình Tân, phường Long Bình Tân, Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai số 01-2015/CĐN/HĐKT.CĐN. Công ty TNHH MTV Khí Hóa Lỏng Việt Nam ký kết với Công ty Cổ phần Cảng Đồng Nai, diện tích thuê là 13.180 m^2, thời hạn thuê là 1 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

- Hợp đồng thuê văn phòng tại Tầng 6, Tòa nhà Waseco, số 10 - Phổ Quang, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh số 52014-602/HD ngày 26 tháng 5 năm 2014, với diện tích thuê 398 m^2, thời hạn thuê là từ ngày 01 tháng 7 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2019.

- Hợp đồng thuê đất tại tỉnh Lâm Đồng ký ngày 27 tháng 6 năm 2014, với diện tích thuê 7,758 m^2, thời hạn thuê từ ngày 27 tháng 06 năm 2014 đến ngày 26 tháng 6 năm 2054.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM
Lầu 4 Tòa nhà PetroVietnam , số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

42. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 24 và 25, trừ đi tiền) phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ (bao gồm vốn cổ phần, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	438.952.765.495	439.785.905.381
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	408.919.808.358	619.799.701.899
Nợ thuần	30.032.957.137	-
Vốn chủ sở hữu	1.068.757.000.256	1.134.677.282.388
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	408.919.808.358	619.799.701.899
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	13.000.000.000	40.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	628.529.735.605	906.326.054.634
Phải thu dài hạn khác	18.022.570.367	21.944.520.367
	1.068.472.114.330	**1.588.070.276.900**
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	932.961.026.300	1.452.934.909.497
Chi phí phải trả ngắn hạn	10.823.909.938	11.278.491.580
Các khoản vay	438.952.765.495	439.785.905.381
Phải trả dài hạn khác	111.397.216.053	108.515.632.035
	1.494.134.917.786	**2.012.514.938.493**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm có rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm tài chính như sau:

	Tài sản		Công nợ phải trả	
	31/12/2015	31/12/2014	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	3.293.974.167	387.392.223	9.998.589.601	6.241.848.560
Euro (EUR)	23.160.779	27.772.304	78.000	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá đồng Đô la Mỹ và Euro.

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 3% so với Đô la Mỹ và Euro. Tỷ lệ thay đổi 3% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ và Euro. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 3% thay đổi của tỷ giá đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ và Euro. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ và Euro so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 3% thì biến động tỷ giá không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ giảm/tăng 8.779.055.310 đồng (năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014: 9.904.843.355 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM
Lầu 4 Tòa nhà PetroVietnam , số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Ban Giám đốc đánh giá rằng, tại ngày kết thúc năm tài chính, rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện ở số dư khoản mục "Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông đã góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở tài sản và công nợ thuần.

31/12/2015	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	408.919.808.358	-	-	408.919.808.358
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	13.000.000.000	-	-	13.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	628.529.735.605	-	-	628.529.735.605
Phải thu dài hạn khác	-	18.022.570.367	-	18.022.570.367
	1.050.449.543.963	**18.022.570.367**	**-**	**1.068.472.114.330**
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	932.961.026.300	-	-	932.961.026.300
Chi phí phải trả ngắn hạn	10.823.909.938	-	-	10.823.909.938
Các khoản vay	343.138.990.923	95.813.774.572	-	438.952.765.495
Phải trả dài hạn khác	-	-	111.397.216.053	111.397.216.053
	1.286.923.927.161	**95.813.774.572**	**111.397.216.053**	**1.494.134.917.786**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**(236.474.383.198)**	**(77.791.204.205)**	**(111.397.216.053)**	**(425.662.803.456)**

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	619.799.701.899	-	-	619.799.701.899
Các khoản đầu tư tài chính	40.000.000.000	-	-	40.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	906.326.054.634	-	-	906.326.054.634
Phải thu dài hạn khác	-	21.944.520.367	-	21.944.520.367
	1.566.125.756.533	**21.944.520.367**	**-**	**1.588.070.276.900**
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	1.452.934.909.497	-	-	1.452.934.909.497
Chi phí phải trả ngắn hạn	11.278.491.580	-	-	11.278.491.580
Các khoản vay	315.238.199.454	124.547.705.927	-	439.785.905.381
Phải trả dài hạn khác	-	-	108.515.632.035	108.515.632.035
	1.779.451.600.531	**124.547.705.927**	**108.515.632.035**	**2.012.514.938.493**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**(213.325.843.998)**	**(102.603.185.560)**	**(108.515.632.035)**	**(424.444.661.593)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức trung bình do hầu hết các khoản phải trả được phát sinh từ các bên liên quan như trình bày trong Thuyết minh số 43. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

43. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan của Công ty là các thành viên của Hội đồng Quản Trị và Ban Giám đốc, Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (Công ty mẹ của Công ty) và các công ty khác trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, công ty mẹ của Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần, như trình bày bên dưới.

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2015 VND	2014 VND
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	453.861.774.642	668.572.212.124
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	317.356.486.799	-
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	166.094.520.225	130.123.987.751
Công ty Cổ Phần Vận tải Dầu khí Phương Đông Việt	65.754.398.848	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị	26.100.278.048	55.702.842.205
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	11.978.661.620	20.990.789.605
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	1.514.089.815	359.528.441
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung	4.529.559.744	8.166.610.427
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc	2.122.670.324	437.478.277
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	2.191.310.684	3.091.473.659
Nhà máy đạm Phú Mỹ	1.920.882.873	-
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Dịch vụ Khí	1.527.360.585	-
Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí	1.256.526.057	-
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	1.247.342.861	349.974.750
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	802.224.634	-
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	682.886.845	-
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Đường ống khí Nam Côn Sơn	281.203.305	-
Tổng Công ty Phân bón và Hoá chất Dầu khí	187.660.616	889.603.971
Tổng Công ty Khí Việt Nam (PVGas)	181.261.038	65.232.955
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	177.375.982	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu	141.740.220	-
Công ty Cổ phần Phân phối Khí Thấp áp Dầu khí Việt Nam	131.670.000	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)	44.055.383	37.222.727
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Chế biến Khí Vũng Tàu	-	4.108.598.696
Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí Tây Nam Bộ	-	92.163.222
Chi nhánh Tổng Công ty Vận tải Dầu khí - Công ty Dịch vụ Hàng hải Dầu khí	-	35.694.901
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	-	111.813.818
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sunlife	-	248.321.037
	1.060.085.941.148	**893.383.548.566**

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM
Lầu 4 Tòa nhà PetroVietnam , số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	2015 VND	2014 VND
Mua hàng và dịch vụ		
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	1.667.268.023.110	2.243.625.406.251
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	989.427.041.944	1.541.809.837.318
Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam	817.279.132.228	1.212.449.998.982
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cửu Long	380.949.770.688	506.998.532.757
Công ty Cổ Phần vận tải Dầu khí Đông Dương	166.249.154.101	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Vũng Tàu	68.716.229.766	367.367.660
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Vũng Tàu	9.795.890.818	-
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ PVI Sunlife	6.510.109.661	4.036.434.121
Công ty Cổ phần Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	3.744.729.938	
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (Phí nhãn hiệu)	2.840.502.613	2.888.403.532
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Dịch vụ Dầu Khí Biển	2.761.535.902	2.277.772.156
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí (PVI)	1.299.461.781	-
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Dịch vụ Khí	921.353.384	-
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam	778.090.906	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	737.429.081	654.080.500
Công ty Cổ phần chứng khoán Dầu khí Việt Nam	297.000.000	150.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí OSC	295.958.400	-
Công ty Bảo hiểm Dầu khí TP.HCM	224.281.825	-
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	200.000.000	32.727.273
Viện Dầu khí Việt Nam	133.363.636	-
Công ty Bảo hiểm PVI Nam Trung Bộ	120.548.101	-
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung	109.236.364	-
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	77.383.000	164.480.500
Công ty Bảo hiểm Dầu khí Sài Gòn	8.904.682	-
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	-	26.547.421.611
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Vũng Tàu	-	17.058.473.243
Tổng Công ty bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	-	8.881.448.980
Chi nhánh tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần - Công ty Dịch vụ Khí	-	5.087.992.312
Công ty Phân phối Nguyên liệu Công nghiệp Dầu khí	-	1.928.692.499
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí (PVI)	-	1.308.644.195
Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Dầu khí	-	294.545.455
Chi nhánh Viện dầu khí Việt Nam - Trung tâm nghiên cứu và phát triển chế biến Dầu khí	-	140.818.182
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Trung	-	58.545.455
Công ty Cổ phần quản lý và phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	-	22.395.493
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô Thị	-	10.545.686
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	-	10.496.035
	4.120.745.131.929	**5.576.805.060.196**

Thu nhập của thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2015 VND	2014 VND
Lương và thưởng	6.750.349.794	7.990.391.435

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

45. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm này, cụ thể như sau:

TÀI SẢN	Mã số	Số đã báo cáo tại ngày 31/12/2014	Phân loại lại theo Thông tư 200 và Thông tư 202	Số sau phân loại lại tại ngày 31/12/2014
		VND	VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**	**57.134.299.398**	**-**	**57.134.299.398**
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**40.000.000.000**	**-**	**40.000.000.000**
1. Đầu tư ngắn hạn (*)	121	40.000.000.000	(40.000.000.000)	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	40.000.000.000	40.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**5.316.746.687**	**11.815.469.890**	**17.132.216.577**
3. Các khoản phải thu khác (*)	135	14.308.374.956	(14.308.374.956)	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	-	26.123.844.846	26.123.844.846
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	(8.991.628.269)	8.991.628.269	-
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	-	(8.991.628.269)	(8.991.628.269)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**	**11.817.552.711**	**(11.815.469.890)**	**2.082.821**
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	154	2.082.821	(2.082.821)	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	-	2.082.821	2.082.821
4. Tài sản ngắn hạn khác (*)	158	11.815.469.890	(11.815.469.890)	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**	**69.086.899.401**	**-**	**69.086.899.401**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**	**-**	**21.944.520.367**	**21.944.520.367**
1. Phải thu dài hạn khác	216	-	21.944.520.367	21.944.520.367
II. Tài sản cố định	**220**	**47.142.379.034**	**(47.142.379.034)**	**-**
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	230	47.142.379.034	(47.142.379.034)	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	**-**	**47.142.379.034**	**47.142.379.034**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	47.142.379.034	47.142.379.034
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**-**	**-**	**-**
2. Đầu tư dài hạn khác (*)	258	50.000.000.000	(50.000.000.000)	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	(50.000.000.000)	50.000.000.000	-
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	-	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**	**21.944.520.367**	**(21.944.520.367)**	**-**
3. Tài sản dài hạn khác (*)	268	21.944.520.367	(21.944.520.367)	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**	**126.221.198.799**	**-**	**126.221.198.799**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

		Số đã báo cáo tại ngày 31/12/2014	Phân loại lại theo Thông tư 200 và Thông tư 202	Số sau phân loại lại tại ngày 31/12/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**	**2.028.285.190.904**	**-**	**2.028.285.190.904**
I. Nợ ngắn hạn	**310**	**1.795.221.852.942**	**-**	**1.795.221.852.942**
1. Vay và nợ ngắn hạn (*)	311	315.238.199.454	(315.238.199.454)	-
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	-	315.238.199.454	315.238.199.454
2. Phải trả người bán (*)	312	1.424.556.979.039	(1.424.556.979.039)	-
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	-	1.424.556.979.039	1.424.556.979.039
3. Người mua trả tiền trước (*)	313	1.685.368.042	(1.685.368.042)	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	-	1.685.368.042	1.685.368.042
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (*)	314	9.935.339.255	(9.935.339.255)	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	-	9.935.339.255	9.935.339.255
5. Phải trả người lao động (*)	315	26.208.038.631	(26.208.038.631)	-
4. Phải trả người lao động	314	-	26.208.038.631	26.208.038.631
6. Chi phí phải trả (*)	316	11.278.491.580	(11.278.491.580)	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	-	11.278.491.580	11.278.491.580
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	323	6.319.436.941	(6.319.436.941)	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	-	6.319.436.941	6.319.436.941
II. Nợ dài hạn	**330**	**233.063.337.962**	**-**	**233.063.337.962**
1. Phải trả dài hạn khác (*)	333	108.515.632.035	(108.515.632.035)	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	-	108.515.632.035	108.515.632.035
2.Vay và nợ dài hạn (*)	334	124.547.705.927	(124.547.705.927)	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	-	124.547.705.927	124.547.705.927
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**591.595.496.644**	**-**	**591.595.496.644**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**591.595.496.644**	**-**	**591.595.496.644**
3. Quỹ đầu tư phát triển (*)	417	349.265.004.221	(349.265.004.221)	-
4. Quỹ dự phòng tài chính (*)	418	49.268.338.080	(49.268.338.080)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	-	398.533.342.301	398.533.342.301
7. Lợi ích cổ đông thiểu số (*)	439	193.062.154.343	(193.062.154.343)	-
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	-	193.062.154.343	193.062.154.343
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**	**2.619.880.687.548**	**-**	**2.619.880.687.548**

(*) Những khoản mục này đã được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo mã số khác với mã số trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CHỈ TIÊU		Số đã báo cáo năm 2014	Phân loại lại theo Thông tư 200 và Thông tư 202	Số sau phân loại năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.657.774.019.955	3.417.824.337	7.661.191.844.292
4. Giá vốn hàng bán	11	6.336.240.549.977	2.859.250.424	6.339.099.800.401
11. Thu nhập khác	31	12.768.322.994	(3.417.824.337)	9.350.498.657
12. Chi phí khác	32	18.243.787.151	(2.859.250.424)	15.384.536.727
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.691	(1.692)	1.999

46. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 07 tháng 3 năm 2016.

Nguyễn Ngọc Dân	Ngô An Hòa	Vũ Quý Hiệu
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 07 tháng 3 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

45. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202, hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm này, cụ thể như sau:

TÀI SẢN	Mã số	Số đã báo cáo tại ngày 31/12/2014 VND	Phân loại lại theo Thông tư 200 và Thông tư 202 VND	Số sau phân loại lại tại ngày 31/12/2014 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**	**57.134.299.398**	**-**	**57.134.299.398**
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**40.000.000.000**	**-**	**40.000.000.000**
1. Đầu tư ngắn hạn (*)	121	40.000.000.000	(40.000.000.000)	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	-	40.000.000.000	40.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**5.316.746.687**	**11.815.469.890**	**17.132.216.577**
3. Các khoản phải thu khác (*)	135	14.308.374.956	(14.308.374.956)	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	-	26.123.844.846	26.123.844.846
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	(8.991.628.269)	8.991.628.269	-
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	-	(8.991.628.269)	(8.991.628.269)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**	**11.817.552.711**	**(11.815.469.890)**	**2.082.821**
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*)	154	2.082.821	(2.082.821)	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	-	2.082.821	2.082.821
4. Tài sản ngắn hạn khác (*)	158	11.815.469.890	(11.815.469.890)	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**	**69.086.899.401**	**-**	**69.086.899.401**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**	**-**	**21.944.520.367**	**21.944.520.367**
1. Phải thu dài hạn khác	216	-	21.944.520.367	21.944.520.367
II. Tài sản cố định	**220**	**47.142.379.034**	**(47.142.379.034)**	**-**
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	230	47.142.379.034	(47.142.379.034)	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**	**-**	**47.142.379.034**	**47.142.379.034**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	47.142.379.034	47.142.379.034
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**-**	**-**	**-**
2. Đầu tư dài hạn khác (*)	258	50.000.000.000	(50.000.000.000)	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	50.000.000.000	50.000.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	(50.000.000.000)	50.000.000.000	-
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	-	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**	**21.944.520.367**	**(21.944.520.367)**	**-**
3. Tài sản dài hạn khác (*)	268	21.944.520.367	(21.944.520.367)	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**	**126.221.198.799**	**-**	**126.221.198.799**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) **MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

		Số đã báo cáo tại ngày 31/12/2014	Phân loại lại theo Thông tư 200 và Thông tư 202	Số sau phân loại lại tại ngày 31/12/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**	**2.028.285.190.904**	**-**	**2.028.285.190.904**
I. Nợ ngắn hạn	**310**	**1.795.221.852.942**	**-**	**1.795.221.852.942**
1. Vay và nợ ngắn hạn (*)	311	315.238.199.454	(315.238.199.454)	-
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	-	315.238.199.454	315.238.199.454
2. Phải trả người bán (*)	312	1.424.556.979.039	(1.424.556.979.039)	-
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	-	1.424.556.979.039	1.424.556.979.039
3. Người mua trả tiền trước (*)	313	1.685.368.042	(1.685.368.042)	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	-	1.685.368.042	1.685.368.042
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (*)	314	9.935.339.255	(9.935.339.255)	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	-	9.935.339.255	9.935.339.255
5. Phải trả người lao động (*)	315	26.208.038.631	(26.208.038.631)	-
4. Phải trả người lao động	314	-	26.208.038.631	26.208.038.631
6. Chi phí phải trả (*)	316	11.278.491.580	(11.278.491.580)	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	-	11.278.491.580	11.278.491.580
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	323	6.319.436.941	(6.319.436.941)	-
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	-	6.319.436.941	6.319.436.941
II. Nợ dài hạn	**330**	**233.063.337.962**	**-**	**233.063.337.962**
1. Phải trả dài hạn khác (*)	333	108.515.632.035	(108.515.632.035)	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	-	108.515.632.035	108.515.632.035
2.Vay và nợ dài hạn (*)	334	124.547.705.927	(124.547.705.927)	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	-	124.547.705.927	124.547.705.927
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**	**591.595.496.644**	**-**	**591.595.496.644**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**591.595.496.644**	**-**	**591.595.496.644**
3. Quỹ đầu tư phát triển (*)	417	349.265.004.221	(349.265.004.221)	-
4. Quỹ dự phòng tài chính (*)	418	49.268.338.080	(49.268.338.080)	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	-	398.533.342.301	398.533.342.301
7. Lợi ích cổ đông thiểu số (*)	439	193.062.154.343	(193.062.154.343)	-
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	-	193.062.154.343	193.062.154.343
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	**440**	**2.619.880.687.548**	**-**	**2.619.880.687.548**

(*) Những khoản mục này đã được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 theo mã số khác với mã số trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CHỈ TIÊU		Số đã báo cáo năm 2014	Phân loại lại theo Thông tư 200 và Thông tư 202	Số sau phân loại năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	7.657.774.019.955	3.417.824.337	7.661.191.844.292
4. Giá vốn hàng bán	11	6.336.240.549.977	2.859.250.424	6.339.099.800.401
11. Thu nhập khác	31	12.768.322.994	(3.417.824.337)	9.350.498.657
12. Chi phí khác	32	18.243.787.151	(2.859.250.424)	15.384.536.727
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	3.691	(1.692)	1.999

46. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 07 tháng 3 năm 2016.

Nguyễn Ngọc Dân	Ngô An Hòa	Vũ Quý Hiệu
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
		Ngày 07 tháng 3 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH KHÍ HÓA LỎNG MIỀN NAM